- Thần Vichnou giữ gìn cho muôn loài khỏi bị tiêu diệt.

ĐẾ THIÊN ĐẾ THÍCH

Tác giả: ***Nguyễn Hiến Lê***

Nguồn: Thư viện Tiểu Lùn

Đánh máy và thực hiện ebook: Goldfish

MỤC LỤC

lời nhà xuất bản

Văn du ký nếu khéo viết thì có thể đẹp như thơ, vui như tiểu thuyết, mà lại ghi chép được thiên nhiên, xã hội, tình cảm một cách trung thực hơn hoặc dồi dào hơn

thơ và tiểu thuyết. Vì vậy mà cho tới thế kỷ trước, thể đó rất được trọng ở phương Đông cũng như phương Tây.

Liễu Tôn Nguyên nổi danh là nhà viết du ký có tài nhất Trung Hoa; Tô Đông Pha, Vương An Thạch đều lưu lại những bài du ký ngắn bất hủ. Chateaubriand, Lamartine, Victor Hugo, Pierre Loti du lịch Hy Lạp, La Mã hoặc Cận Đông, Viễn Đông… đều tặng cho nhân loại những tác phẩm có giá trị về văn chương, xã hội học.

Qua thế kỷ XX, bắt đầu giữa hai thế chiến, thể đó đã hơi thay đổi. Các văn nhân thi sĩ vẫn còn ham đi du lịch, nhưng ngay cả Paul Morgan và André Gide cũng không nhằm mục đích thưởng ngoạn nữa mà đã mang theo hành lý nhiều nỗi thắc mắc về thời cuộc, xã hội, chính trị. Từ sau thế chiến thứ nhì, thể đó gần như mất hẳn:

bây giờ người ta lên phi cơ không phải để du kịch nữa mà để điều tra, phỏng vấn; tiếng nhạc của thiên nhiên và tiếng nhạc của lòng đã bị tiếng ồn của các hội nghị, tiếng hò hét của các cuộc mít tinh và tiếng bom đạn, phi cơ phản lực át mất!

Cho nên trong cái rừng sách của phương Tây mà gặp được một cuốn như *Mùa Xuân ả Rập* (Un Printemps Arabe) của Benoist Méchin thì thú vô ngần. Đoạn ông tả cảnh Eden ở Mésopotamie nên thơ làm sao!

Ở nước ta, hồi tiền chiến, chỉ có vài ba nhà viết du ký, nổi danh với cuốn *Chơi Hồ Ba Bể* và *Sau Dãy Trường Sơn*, tuy có hứng thú nhưng ngọn bút có kém luyện.

Từ sau thế chiến, thể du ký cũng theo trào lưu chung mà chìm hẳn: lác đác trên báo có ít bài, phóng sự hơn là du ký; còn

in thành sách thì chỉ toàn là địa phương chí. Duy có cuốn *Bảy Ngày Trong Đồng Tháp Mười* của ông Nguyễn Hiến Lê là nữa có tính cách du ký, nữa có tính cách biên khảo. Hoàn toàn là du ký thì có lẽ chỉ có cuốn *Đế Thiên Đế Thích* mà hôm nay chúng tôi cho ra mắt độc giả, nhưng cuốn này cũng lại viết từ giữa chiến tranh.

Ông Nguyễn Hiến Lê viết nó từ năm 1943, rồi gặp hồi kháng chiến, tản cư, may mà mang theo và giữ lại được. Từ khi hồi cư, mấy chục năm nay, ông không nghĩ tới chuyện xuất bản, cho rằng không hợp thời. Vã lại ngay khi viết ông cũng không tính tới việc in, ông bảo: "Viết để kéo dài cái cảm giác thích thú khi du lịch, bấy nhiêu đủ rồi".

Nhà xuất bản chúng tôi (*) nghĩ *Đế Thiên Đế Thích* ở sát nước ta mà nhiều

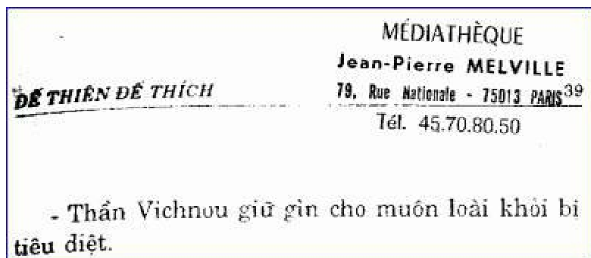
người không được biết, khi đất nước bạn thanh bình rồi chắc nhiều người cũng muốn thăm; nhất là nghĩ loại du ký vắng bóng trên văn đàn thì cũng là điều đáng tiếc, nên xin phép thân nhân gia đình tác giả cho xuất bản tập mỏng này.

Theo ý thân nhân tác giả, chúng tôi giữ đúng lời văn hồi trẻ của ông nên không sửa lại bản cũ.

NHÀ XUẤT BẢN

(*) Theo *Mười câu chuyện văn chương* của Nguyễn Hiến Lê thì cuốn *Để Thiên Để Thích* do "Trí Đăng tái bản 1971, có sửa chữa (viết từ 1943, Thời Mới xuất bản 1968)". Cuốn chúng ta đang đọc không rõ tên nhà xuất bản. Sách có con dấu của Thư viện Jean-Pierre Melville (?) trên trang 39 (xem hình) và

trang 95. (Ghi chú đánh dấu * là của Goldfish)



ĐẾ THIÊN ĐẾ THÍCH 39

- Thần Vichnou giữ gìn cho muôn loài khỏi bị tiêu diệt.

vài lời thưa trước

Tập du ký này viết từ năm 1943, đã đăng trên nhật báo Việt Thanh cách đây bảy tám năm. Hồi viết, chúng tôi dùng những tài liệu lịch sử trong cuốn *Guide Groslier*. Sau thế chiến vừa rồi, ông G. Coedès trong cuốn *Pour mieux comprendre Angkor* và ông Maurice Glaize trong cuốn *Les monuments du groupe d'Angkor* đã đính chính vài chỗ

sai lầm của Groslier. Chúng tôi dùng hai cuốn này để sửa chữa bản thảo và mong rằng có thể giúp độc giả hiểu một cách rất sơ sài nhưng gần đúng về Đế Thiên Đế Thích, một cảnh đại quan vào bậc nhất thế giới, cách Sài Gòn không bao xa, mà theo chỗ chúng tôi biết thì từ trước tới nay chưa có du khách Việt Nam nào viết về nó cả.

Sài Gòn ngày 19-10-1960

NGUYỄN HIẾN LÊ



Toàn cảnh Angkor

CHƯƠNG MỘT

TỪ SÀI GÒN TỚI SIEMREAP

SÀI GÒN – NAM VANG

Mấy lần định đi coi phế tích Đế Thiên Đế Thích mà không thành. Lần này không định đi thì thành. Sở có chút việc ở Nam

Vang và Siamreap; tại Siemreap lại có ông bạn vừa là đồng song vừa là đồng nghiệp (*) hai lần viết thư mời lên chơi, thực không còn cơ hội nào tốt hơn nữa.



Tôi khởi hành ở Sài Gòn ngày 21-1-1943, nhằm ngày 16 tháng chạp âm lịch.

Xe ra khỏi châu thành Svayrieng thì trăng tròn vành vạnh lơ lững ở trên những ngọn cây thốt nốt (1) thưa thớt trên một

cánh đồng phẳng lì và mênh mông. Cánh đồng Cao miên có đặc điểm này: là đồng mà vẫn là vườn, bát ngát mà nhìn không mõi mắt, nhờ những thân thốt nốt cao thấp, thẳng tấp đưa lên trời xanh những chùm lá tựa như ngọn chổi. Tới mùa mưa, đây đó trên thảm cỏ xanh, hiện lên những vũng xinh xinh phản chiếu bóng sen đỏ và cò trắng.

Qua khỏi đò Kim Long (**), cảnh thay đổi hẳn: đường chạy men sông Cữu Long, hai bên đất cát phì nhiêu, toàn là vườn như miền Cần Thơ, Sa Đéc. Tuy thiếu những rạch nho nhỏ và những cầu gỗ khom khom mà ta thường gặp ở miền Hậu Giang, nhưng trong đám xoài xanh thẳm ló ra một mái cong cong hoặc một ngọn tháp nhọn của ngôi chùa Miên, trông cũng lạ mắt. Bên cạnh chùa là những rặng gòn thưa thưa

như đăng ten. Cảnh có vẻ thanh tú, thân mật mà nên thơ.

----

(1) Có người còn gọi thốt lốt

(*) Sau "Hai năm lênh đênh trên sông rạch miền Tây Nam Việt", từ năm 1938 tác giả về Sài Gòn làm việc ở Sở Thuỷ lợi, và ông bạn đó là ông Đỗ Văn Hách (theo *Hồi Kí Nguyễn Hiến Lê*).

(**) Chắc là Neak Luong

NAM VANG – SIEMREAP

Tôi ở lại Nam Vang một ngày làm việc sở. Năm giờ chiều lên xe đi Siemreap. Phải đưa thẻ căn cước cho công an biên số, cũng như khi ở Sài Gòn lên xe đi Nam Vang. Lượt về cũng vậy.

Ra khỏi thành phố Nam Vang, xe chạy theo bờ sông Tonlé-Sáp. Bên trái là một cánh đồng mới bắt đầu khai phá, đầy cỏ lát

và điểm vài đám mạ. Bên phải là vườn tược, ít sửa sang nhưng đông đúc. Nhà sàn đều không có hiên, ít cửa, trơ trẻn như hộp gỗ. Thỉnh thoảng qua hàng cây thưa, mặt sông hiện ra, phẳng lặng và xanh ngắt với hàng trăm cánh chim loang loáng. Có điều khó chịu là trên mười lăm cây số, không khí tanh hôi, lợm giọng: mùa này người Miên làm mắn, nhà nào cũng có một đóng cá ở trước cửa.

Qua bến đò Kompong Luong (Kompong Luong nghĩa là bến đò nhà vua – hồi xưa kinh đô Cao Miên ở Oudong, trên bến đò này vài cây số), đường xe rời bờ sông mà đi sâu vào trong đồng. Cảnh khô khan hơn nhưng bát ngát hơn. Chung quanh ta toàn là một màu đất đỏ. Một vài đàn bò theo đường mòn, lửng thửng về trại, để lại sau chúng những đám bụi nhạt

dần trong cụm mây vàng ở chân trời ửng hồng.

Gần tới Skoun (một quận nhỏ) xe chạy ngang một khu rừng rậm nhưng ít cây lớn. Mặt trăng đương lấp ló trong cành lá bên tay mặt bổng chạy vụt qua tay trái rồi một phút sau, trôi trên nền trời xám đậm để ngừng lại, rực rỡ vàng trên nóc một dãy phố lầu cất toàn bằng gỗ, đen như mực tàu và lạnh lẽo như quan tài.

Xe ngừng ờ Skoun năm sáu phút rồi lại băng qua rừng. Trên một giờ sau, ta thấy lấp lánh một dãy đèn đỏ: xe đã tới Kompong Thom. Nghỉ ở đó nữa giờ để ăn cơm rồi tiến lên Siemreap.

Từ Kompong Thom tới Siemreap hai bên đường cũng toàn là rừng nhưng thưa hơn và một vài nơi có xóm làng.

Sáu mươi cây số trước khi vào

Siemreap xe qua một chiếc cầu nhỏ mà hai bên cầu có bốn con “naga”, loại rắn thần của người Miên. Từ đây ta bắt đầu vào khu vực có nhiều phế tích, nhưng phế tích đều xa đường xe chạy, nên không thấy.

Khoảng hai giờ khuya xe qua một chiếc cầu đúc trắng, chiu dưới vòm cây rồi ngừng ở ngang sở Bưu điện Siemreap. Tôi xuống xe. Đã có người nhà anh H đứng đón.

Tôi theo người đó qua bên kia đường, bước lên một chiếc cầu gỗ. Tôi ngừng lại, tưởng mình ở trong mộng: trăng vằng vặc chiếu qua cành lá lưa thưa của một loại cây tựa như phượng tây, lấp lánh nhảy múa trên một dòng nước con con. Lá xào xạc trên đầu, run rẩy dưới chân tôi, trên lưng cầu khom khom có tay vịn. Mây nhẹ trôi trên mặt rạch. Thoang thảng có mùi hương

dịu và tí tách có tiếng nước nhỏ giọt. Một tiếng vạt ngắn ở trên không. Tôi có cảm giác ngắm một cảnh trên đảo Phù Tang.

Qua khỏi cầu đã nghe tiếng anh H:

- Biết mà! Anh lên, thế nào cũng cảm Stung Siemreap của tôi mà (Stung nghĩa là sông nhỏ). Thôi, vào nhà đã.

Nhà cách đầu cầu ít bước. Một mái tranh chung quanh có vườn rộng, quay mặt ra Stung, một bên là Sở Thú y, một bên là Câu lạc bộ.

CHƯƠNG HAI

SIEMREAP

CHÂU THÀNH SIEMREAP

Tám giờ hôm sau tôi mới dậy (giờ mới) (1) Mặt trời đã nhuộm vàng từng khoảng trên rặng cây ở bờ sông, nhưng trời

vẫn còn lạnh y như tháng mười ngoài Bắc. Đi thăm cảnh Đế Thiên Đế Thích thì mùa nầy là tiện nhất, vì ba bốn tháng sau thì ở đây nóng lắm, rồi tới mùa mưa luôn sáu tháng.

Ăn sáng xong, anh H. đưa tôi đi coi thành phố.

Chúng tôi qua chiếc cầu gỗ hồi đêm rồi đi theo bờ sông, trên một đường tráng nhựa. Một bên là các công sở: toà Công sứ, sở Bưu điện, sở Kiểm lâm…, sở nào cũng có vườn rộng ở chung quanh, giàn hoa ở trước mặt. Những giàn hoa đó bằng bê tông, sơ sài nhưng lịch sự, coi xa như những hàng cửa kết bằng bông xanh đỏ trên trên một dãy dài hai ba trăm thước. Một bên nữa là một lối đi trồng hoa nằm theo bờ sông. Sông hẹp, bờ cao, mùa này cạn, uốn khúc dưới một hàng bốn chiếc cầu gỗ

cong cong, xinh xinh.

Hai hàng cây cao kết thành một cửa tò vò trên đầu du khách du lịch, thả xuống những chùm hoa đỏ và tím. Những màu đó cùng với màu nghệ chiếc cà sa của vài ông "lục", (2) màu chàm và màu lá xoài trên những tấm xiêm của các cô gái Miên, vẽ thành một bức tranh sặc sỡ tôi chưa từng thấy.

Tôi bâng khuâng nhớ cảnh Bắc trong tiếng tu hú và tiếng chim cu đua nhau hót trên cành; tôi tưởng tượng cảnh đồi núi Sơn Tây trong tiếng thông rì rào ở cuối đường; tôi rùng rợn nghe tiếng xoang xoảng của xích đồng buộc chân một bọn tù đương làm cỏ bên bờ sông. Và chìm trong tiếng nhạc lạ lùng đó có tiếng thánh thót, đều đều, bất tuyệt, nhịp một, tiếng của những giọt nước trong vắt chầm chậm từ

trên guồng nhỏ xuống.

Những guồng đó – thứ guồng dùng ở Quảng Nam – y như những bánh xe, trục kính không không dưới bốn thước, đặt ngay mí nước, cách nhau ba bốn chục bước, thung dung quay suốt ngày đêm, nhẹ nhàng gạn từng giọt nước pha lê vào những máng nước dài đưa vào vườn. Nó có vẻ nhàn hạ làm sao! Tôi có cảm giác như người Miên dùng nó không phải để lấy nước mà để đo thời gian, để nhắc khách du lịch rằng thời gian ở đây tuy vẫn trôi nhưng từ từ trôi, không việc gì mà phải vội! Phải bỏ cái tật hấp tấp, cái gì cũng phải cho nhanh, của thế kỷ này đi gột cho hết bùn phồn hoa trên bờ con Stung này đi, cho tâm hồn được trong trẻo như những giọt nước nhỏ ở những máng kia, rồi hãy thủng thẳng bước vào cảnh đầy bí mật, đầy

huyền ảo, vô cùng hùng vĩ, vô cùng lãng mạn của miền Đế Thiên Đế Thích.

Những guồng đó, mà giá ai đặt sẽ ngón tay vào cũng đủ làm cho ngừng lại, uể oải không kém gì dòng nước lờ đờ. Người ta phải đắp đập trên ba phần tư lòng rạch, dồn nước vào một lối rộng chừng hai thức để bắt nó phải chảy, đừng lưu luyến với cảnh hoang tàn của Đế Thiên mà nó vừa rời được vài cây số.

Con đường tráng nhựa nằm trên bờ sông ấy dài hơn ngàn thước, bắt đầu từ chiếc cầu đúc mà chiếc xe hơi hồi hôm chạy qua cho tới khỏi chợ một chút. Có dăm ba đường nữa chạy ngang qua, mát và sạch. Khu ấy là khu công sở. Còn khu thương mại là khu quanh chợ. Chợ bẩn và tối, già nữa của Hoa kiều, một phần của người Miên, một phần nhỏ của Việt kiều.

Có một rạp Miên, vài hàng cơm Tây và Tàu. Nhà hàng Grand Hôtel cất ở đầu châu thành, trước một sân thể thao, bên cạnh một vườn thú tiêu điều gồm vài chuồng khỉ và chuồng chim.

Đó là bên đây sông. Bên kia sông cũng có một một con đường nằm theo bờ sông, vài công sở và nhiều nhà sàn bẩn thỉu, tối tăm của người Miên. Bếp của họ thường đặt phía trước nhà, ngay dưới mái hiên. Họ ăn cũng tại đó.

Coi qua thành phố rồi, tôi lại sở Công chính có chút việc. Ở đó tôi gặp hai người bạn đồng nghiệp nữa, anh Th. người Vinh, đã làm việc ở Lào và anh T. quê quán ở Hà Nội.

Tôi rũ họ đi coi Đế Thiên Đế Thích. Họ cũng nói:

- Lại đây được non một năm, chúng tôi

đã đi coi sáu bảy lần rồi, nhưng chưa lần nào đi hết một vòng lớn, vì gần đây thường có cướp. Mới rồi, một bọn mười tên Miên có súng, phá một kho của một công ty thầu khoán. Nhưng lần này thì chúng ta cứ đi. Cho chúng lột áo là cùng chớ gì. Hẹn sáng chủ nhật 24-1.

Anh T. lấy bản đồ chỉ đường đi chỉ cho tôi coi: vòng nhỏ hai mươi cây số, vòng lớn ba mươi cây số. Chúng tôi sẽ hợp hai vòng làm một, đi làm một lần. Vì ba phần tư vòng nhỏ nằm đè lên vòng lớn, cho nên vòng hỗn hợp của chúng ta chỉ dài khoảng bốn chục cây số thôi. (Coi bản đồ)

----

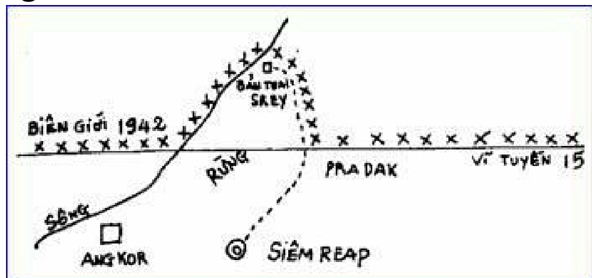
(1) Đồng hồ để sớm hơn giờ thực một giờ

(2) Tiếng Miên nghĩa là ông, để chỉ các hoà thượng hoặc các người giàu sang.

ĐỀN BANTEAI SREY (Thành trì của phụ nữ):

Anh T. cầm cây thước đo ngược lên phía trên vài phân rồi nói tiếp:- Nhưng cái tuyệt mỹ không phải ở đấy (ở Đế Thiên Đế Thích) mà ở đây, ở Banteai Srey. Chỗ này có một ngôi đền ngủ ở giữa rừng, không cao lớn bằng Angkor Vat, nhưng chạm trổ rất công phu. Không một phiến đá nào của ngôi đền ấy mà không chạm. Hình rất đẹp, nét rất sắc, sắc hơn chạm vào gỗ. Năm ngoái tôi được lên đấy với một ông giáo sư và một nhà điêu khắc. Ông này khen rằng hình người và súc vật chạm rất hợp với khoa giải phẩu, không chê vào đâu được. Từ bắp thịt tới đường gân đều đúng vị trí. Có một hình sư tử chỉ lớn bằng đồng bạc mà thấy rõ được vẻ sợ hãi hiện trên

nét mặt nó khi một vị thần lay chuyển trái đất. Nghệ sĩ nào tạo được công trình ấy đã có một cặp mắt rất tinh và làm cho đền Banteai Srey có giá trị của một viên ngọc khổng lồ.



Đền xây ở cuối thế kỷ thứ X, dưới triều vua Jayavarman V, sau bị bỏ hoang giữa một khu rừng rậm mãi đến năm 1914 một người Pháp mới tìm ra. Sau đó, nhiều kẻ ăn cắp những phiến đá chạm trổ để đem bán, gây ra một vụ kiện sôi nổi ở Nam Vang. Năm 1924, trường Viễn đông bác cổ (École Francaise d’Extrême Orient) dựng

lại bằng những vật liệu cũ, theo bản đồ cũ, và chận lại được sự phá phách của thời gian và của loài người.

Anh thấy biên giới mới không? (1) Một đường thẳng nằm ngang trên đất Miên, cách chổ mình đứng đây mười hai cây số đường, chạy theo vĩ tuyến 15 gơ rat, bổng bỏ nó, men con sông nhỏ này, ôm lấy đền Banteai Srey rồi mượn con đường mòn nầy để trở về vĩ tuyến 15 rồi thẳng tiến qua sông Cữu Long. Cái mũi nhọn bất thường ấy đủ cho anh thấy giá trị của đền Banteai Srey mà không một người Ấn Độ nào qua đây không đi coi, lại còn ghen với người Miên, nhận làm công trình của tổ tiên của họ nữa.

Đi coi Banteai Srey, ta còn thấy một cảnh cảm kích ta rất mạnh, cảnh một cái hào rộng chừng ba thước, dài hàng trăm

cây số, đào thẳng băng giữa một khu rừng rậm rạp, âm u, mênh mông. Hào đó tức biên giới mới, nằm theo vĩ tuyến thứ 15. Muốn đi, phải xin phép ở Pradak cách Siem Reap non hai chục cây số. Có giấy phép rồi, anh sẽ được ông quận trưởng sở tại cho vài tên lính đi hộ tống vì đường thường có cướp".

Ở sở Công chính ra, mặt trời gần đứng bóng, nắng chang chang, không có một ngọn gió. Hai bên đường là ruộng, chân rạ cháy khô. Nắng ở đây gay gắt hơn ở Sài Gòn nhiều.

----

(1) Trong chiến tranh giữa Thái và Pháp năm 1941, Nhật ủng hộ Thái, ép Pháp phải cắt đất Miên cho Thái. Năm 1946, đồng minh thắng, Thái trả lại đất cho Miên.

HAI BÊN BỜ SÔNG SIEM REAP

Chiều hôm đó, tôi ngược sông Siemreap độ hai cây số. Khỏi cầu đúc, vườn tược càng sầm uất, guồng nước càng nhiều, đặt cả hai bên bờ. Cảnh y như ở miền Lái Thiêu: cũng đủ những cây trái như xoài, bưởi, quít, mận, mãng cầu… cũng những đường mương nho nhỏ chằng chịt trong vườn, cũng mùi hương cau thoang thoảng trong không khí. Một ngôi chùa Việt thấp, rộng, ẩn hiện sau hai hàng cau, trong một khu vườn trồng bông và rau, đối diện ngôi nhà thờ cao, ngạo nghễ nhưng cục mịch và một ngôi chùa Miên rụt rè trong đám xoài me ở phía sau.

Đi quá lên một chút nữa là sở Bảo tồn Đế Thiên (Conservation d'Angkor) hoang vắng, không bóng người ra vào. Vì chiến tranh nên khách du lịch rất ít. Mỗi chuyến

xe ở Kompong Thom lên chỉ có bốn, năm người ngoạn cảnh, mặc dầu mùa này là mùa du lịch. Trước đây ba bốn năm, nhiều khách phương xa tới cho nên chung quanh chợ Siemreap và ở trong sân sở này, xe hơi thường chen chúc nhau đậu. Tôi vào hỏi mua cuốn *Guide Groslier* (*) mà không có, đành mượn của anh T.

(*) Khi rời Sài Gòn tác giả có mang theo cuốn nầy! Xem trích *Hồi Kí Nguyễn Hiến Lê* cuối ebook này.

HÁT MIÊN

Tối hôm đó, vợ chồng anh H. rủ tôi đi coi hát Miên. Tới rạp lúc tám giờ. Đèn đã sáng, trống đã vang mà không có người lởn vởn ở ngoài.

Rạp vắng tanh, ghế còn chất ngổn

ngang trong một góc. Tôi ra ngoài hỏi người Miên bán giấy:

- Mấy giờ hát?

- Tám giờ.

- Tám giờ mười rồi.

- Tám giờ hát.

Chúng tôi đi vòng lại chợ một lúc, tám giờ rưỡi trở lại, vẫn chưa thấy bóng một khán giả. Chín giờ mới có người lại mua giấy. Hạng nhất 0đ,50.

Một lúc sau, người Miên lục tục kéo nhau vào từng bọn yên lặng như những bóng và ngồi thu cả vào trong một góc ở cuối rạp, cặp mắt long lanh trong bóng tối, dữ tợn như đang rình một kẻ thù. Họ khạc nhổ tứ phía.

Tôi nhớ lại hồi trước có người bảo:

- Một số tân học của họ cũng ăn bốc, bốc thịt và canh cũng bốc. Ông luật sư

Miên ở cạnh nhà tôi cũng thường theo tục đó.

Tôi nhìn lên tường: tranh vẽ ngay vào tường, nét rất khéo nhưng đã mờ dưới một lớp vết bẩn kinh niên. Những tấm màn trên sân khấu còn bẩn hơn nữa.

Khi màn cuốn, non hai chục đào kép xếp hàng theo hình bán nguyệt, đào một bên, kép một bên, cuối đầu chào khán giả, hát bài Madelon rồi mới bắt đầu diễn. Nghệ thuật của họ cũng phảng phất như nghệ thuật hát bộ của ta. Quần áo của họ cũng như quần áo thường của người Miên nhưng hào nhoáng hơn, tuy không sạch hơn. Nhiều đồ rách, vá.

Tôi không kiên tâm ngồi đợi cho hết tuồng để coi họ múa, mặc dù trước khi đi, tôi nhất định thế nào cũng xem vài vũ khúc của Miên. Cứ nhìn trong các tấm ảnh của

sở Du lịch mà tưởng tượng lại hơn.

Ra khỏi rạp tôi hỏi anh H:

- Nghe nói từ khi vua Shihanout lên ngôi, đuổi hết những "mái" (vũ nữ) ở trong cung ra, bọn đó đi các tỉnh kiếm ăn, có lên đây không?

- Có, nhưng chẳng hơn gì bọn này.

TRONG MỘT CHÙA MIÊN

Còn sớm, chúng tôi chưa muốn về nhà, lững thững qua một chiếc cầu gỗ ở ngang chợ, rẽ vào một ngôi chùa Miên. (*)



Chùa này rất rộng, có hai lớp học, một

lớp dạy trẻ em, một lớp dạy cho thầy sãi, đều bài trí theo Âu.

Ở giữa sân có một ngôi nhà quàn quan tài. Một người Miên lai Trung Hoa, nhờ buôn bán có bạc triệu, bỏ ra mấy vạn đồng làm chay cho vợ, bố thí và cúng chùa để xin phép cất nhà quàn đó. Nhà bằng gỗ lợp ngói, mỗi chiều độ năm thước. Ông lục nói quàn tới ba năm. Tuy không khí không tanh hôi mà tôi tự nhiên cũng muốn nín thở. Bên cạnh nhà quàn, vài người thợ Miên đương lấy mũi dao nhọn gọt những miếng đất thó để làm khuôn đúc những phiến xi-măng xây tháp. Miếng đất độ năm tấc vuông mà họ gọt năm ngày chưa xong. Thấy vậy rồi ta mới tưởng tượng nổi công phu khắc đá của người Miên bảy tám thế kỷ trước để tạo nên Đế Thiên Đế Thích, là vĩ đại đến bực nào.

(*) Xem ảnh một ngôi chùa ở Siemreap (Các ảnh màu trong ebook này do Goldfish sưu tầm từ internet)

ĐẬP BARAI

Tám giờ sáng hôm sau, xe hơi sở Công chánh lại đón tôi đi coi công việc xây đập ở Barai. Xe chạy qua cửa chính đền Angkor Vat vào lúc mặt trời ấm áp và rực rỡ mới nhô lên khỏi khu rừng âm u ở bên tay phải. Nhìn năm ngọn tháp như năm búp sen hiện sau một bức thành rêu phong, trên nền trời ửng đỏ, giữa đám cây xanh, sau một làn sương lam còn quyến luyến với làn nước phẳng lặng trên hồ, tôi có cảm giác rằng sau bức thành đó, dưới những búp sen kia, là cả một thế giới thần tiên, bí mật. Xe chạy vòng quanh đền Bayon, dưới nụ cười hiền từ của phật Avalokitecvara

rồi rẽ vào một đường hẹp ngập cát, ngừng lại tại chỗ xây đập.

Tôi đi coi mấy gian nhà lá cất cho lao công và lính Miên ở, một chòi canh dựng trên cành cây, rồi xuống xem đập ở trên dòng sông Siemreap. Sông ở đây như một cái lạch nhỏ, rộng chừng mười lăm thước, uốn khúc giữa một khu rừng cao. Có chỗ nông lội qua được. Nước trong xanh, trông thấy cát ở dưới. Đập sẽ nâng cao mặt nước lên bốn thước. Ở phía trên đập vài chục thước, tôi thấy vết một con kinh cạn.

Viên kỹ sư bảo tôi:

- Tám trăm năm trước, người Miên đã biết công việc dẫn thuỷ rồi. Chính họ đã đào kinh này để đem nước vào hồ Barai tây, chứa ở đó rồi dẫn nó vào ruộng. Chúng tôi cũng theo vết họ, dùng ngay kinh đó, chỉ sửa sang lại một chút thôi. Hình

như xưa kia, kinh này đáy rộng bảy chục thước, bây giờ chỉ còn non mười thước. Bấy nhiêu cũng đủ. Nhưng hai bờ kinh vì bỏ lâu, chỗ ra chỗ vào không đều, nay phải sửa lại. Tôi còn nghĩ rằng chính chỗ bây giờ xây đập là cái nền của cái đập hồi xưa.

Đập chúng tôi xây có đặc điểm này là tuy ngăn nước lại, nhưng không ngăn hết, vẫn cho một phần nước chảy qua được, nếu không thì châu thành Siem-reap (*) sẽ mất một con sông và nhiều vườn rất đẹp.

Công việc ấy không khó. Khó là kiếm nhân công. Người Miên làm việc không như chúng mình. Ông coi kìa, một gánh đất không nặng mười ký-lô mà họ gánh uể oải như vậy đó. Họ có tánh ung dung của những nhà hiền triết. Phải chìu chuộng họ lắm, họ mới chịu làm giùm cho đấy. Vì

vậy ít người đấu giá mà người đấu rẻ nhất cũng bỏ thầu tăng lên 97%.

- Chín mươi bảy phần trăm? Một nguyên do nữa có phải là sự bất an của miền nầy không?

- Cũng có lẽ. Nhưng người ta cứ đồn nhau là có cướp bóc, sự thực không có gì cả… Đập này xây dựng xong, mực nước hồ Barai tây sẽ nâng cao được bốn thước, sẽ chứa đủ nước cho 15.000 mẫu ruộng. Phí tổn sẽ vào khoảng 600.000$. Chiều nay ông muốn đi coi hồ đó, tôi sẽ bảo tài xế đưa ông đi.

Tất nhiên là tôi không từ chối.

(*) Tôi cố gắng chép đúng theo tài liệu nguồn mặc dù có sự thiếu nhất quán: Siem-reap, Siem reap, Siemreap, SIÊM REAP. Địa danh Banteai Srey có chỗ ghi Banteai

Srei. Ký hiệu đơn vị đồng cũng vậy: lúc ghi đ lúc ghi $.

HỒ BARAI TÂY

Ba giờ chiều xe lại đón anh H. và tôi đi. Ra khỏi thành phố, đi lên phía Sisophon độ mười cây số, qua những xóm làng tịch mịch dưới bóng dừa và cau rồi rẽ vào một đường nhỏ dài vài trăm thước ở bên tay phải.

Một làn nước trong và lặng, vuông vắn, chung quanh có đê cao, cây rậm. Trên bờ cất một ngôi nhà sàn trước mặt bày một cái bàn và bốn chiếc ghế đá để du khách nghỉ ngơi trước khi tắm.

Hồ rộng một chiều 2.000 thước, một chiều 8.000 thước. Bốn phía là bốn đê cao trên mười thước, mặt đê rộng năm mươi thước.

Có hai hồ như vậy. Hồ này ở phía tây

nên gọi là Barai tây. Barai đông hiện nay đã cạn và thành ruộng.

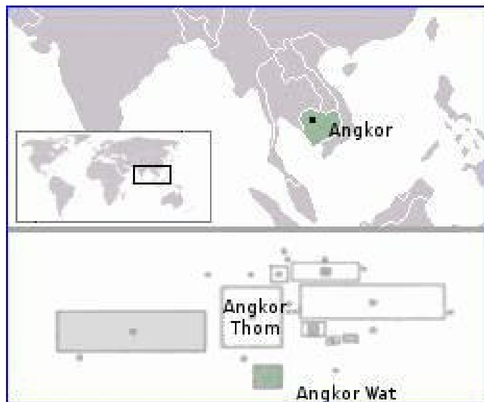
Giữa hồ nhô lên một ngôi đền nhỏ, đền Mébon, cũng một kiểu với đền Baphoun, coi kiến trúc đền đó, các nhà khảo cổ đoán rằng hồ này đào vào hồi thế kỷ XI ở giữa một đồng ruộng. Có lẽ thời đó hồ thông với Biển hồ bằng một kinh lớn, và thuyền của Hoàng gia thường đậu ở đây. Ngày nay hồ là một chỗ rất tiện cho thuỷ phi cơ đáp xuống.

CHƯƠNG 3

DÂN TỘC MIÊN

MỘT CHÚT LỊCH SỬ

Nhờ có cuốn *Guide Groslier* (1) anh T. cho mượn, tôi được biết qua loa về lịch sử, tôn giáo của người Miên.



Đế Thiên Đế Thích có hai phế tích lớn: Angkor Thom và Angkor Vat, Angkor Thom là một đền thờ.

Nhờ tìm được nhiều tấm bia, các nhà khảo cổ hiện nay cho ta biết một cách gần như chắc chắn thời kỳ xây cất những ngôi đền chính. Những phế tích cổ nhất dựng từ thế kỷ VI, rồi tới thế kỷ IX người Miên tiếp tục kiến thiết khu Đế Thiên Đế Thích cho đến đầu thế kỷ XIII. Dưới đây là một

bảng cho ta biết thời kỳ của những phế tích lớn, sắp theo thứ tự thời gian:

Phnom Bakheng vào khoảng năm 900

Mébon đông 952

Pré Rup 961

Bantai Srei 967

Takeo 1.000

Baphoun 1.060

Angkor Vat tiền bán thế kỷ XII

Ta Prohm 1.186

Prak Khan 1.191

Bayon và tường thành Angkor Thom cuối thế kỷ thứ XII

Tổ tiên người Miên ngày nay có lẽ cùng một dòng với người Môn ở nam Miến Điện, hoà hợp với vài dân tộc ở dãy

Trường Sơn, sau chịu ảnh hưởng của Ấn Độ về văn minh. Họ không phải là gốc Ấn Độ mà cũng không bị Ấn Độ xâm lăng, đô hộ như trước kia người ta lầm tưởng.

Đầu kỷ nguyên, người Trung Hoa gọi xứ Cao Miên là Phù Nam (Fou Nan). Từ thế kỷ thứ III đến thế kỷ thứ VII, xứ đó phát triển mạnh, giao thiệp cả với Ấn Độ và Trung Hoa. Giữa thế kỷ thứ VI có nội loạn, một vua chư hầu Kambuja chiếm hết bờ cỏi, dựng đô ở gần Kompong Thom. Do tên Kampuja đó mà người Pháp gọi là Cambodge, ta gọi Cao Miên.

Suốt thế kỷ VIII, Miên quốc chia làm hai xứ: Thuỷ Chân Lạp (Nam Việt và Cao Miên ngày nay) và Thổ Chân Lập (Trung và Hạ Lào ngày nay) (*). Thuỷ Chân Lạp bị Java và Sumatra xâm chiếm.

Qua thế kỷ sau, một vị anh hùng Miên

thống nhất lãnh thổ, lên ngôi, tên là Jayavarman II, tuyên bố độc lập, không chịu sự đô hộ của Java nữa, dựng kinh đô ở miền núi Kulen, mở đầu cho một thời kỳ Angkor, tức thời thịnh nhất của dân tộc Miên. Ông mất năm 850, trị vì được 48 năm.

Trong mấy thế kỷ sau, nước vẫn còn thịnh, các vua Miên dời kinh đô xuống Angkor; rồi vào khoảng thế kỷ XI xây dựng những đền rất đẹp là Takeo, Phiméanakas, Baphoun…

Tiền bán thế kỷ XII, xuất hiện một nhà vua rất anh hùng, vua Suryavarman II. Ông liên kết với Chàm, chống lại người Việt, rồi trở lại đánh chiếm đất Chàm. Ông cho xây đền, đài, lăng tẩm.



Cuối thế kỷ XII, vua Jayavarman VII (2) đuổi được người Chàm (**) rồi đô hộ cả Chàm lẫn Lào. Ông dựng lại những đền cũ ở Angkor Thom, nhất là đền Bayon, xây thêm một bức tường bao bọc kinh đô và lập rất nhiều dưỡng đường trong nước. Những công việc kiến thiết đó hao tốn rất nhiều tài sản, sức lực của dân, mà người Miên từ đầu thế kỷ XIII, hoá ra kiệt quệ, bị người Thái chiếm. Cuối thế kỷ đó, năm 1296, một người Trung Hoa tên là Chu Đạt Quan (Tcheou Ta Kouan) qua Miên, đau lòng cho cảnh suy tàn của Angkor và viết

một tập du ký ghi phong cảnh và phong tục Miên. Tập đó, Paul Pelliot đã dịch ra Pháp văn, nhan đề là *Mémoires sur les coutumes du Cambodge* (xuất bản năm 1902).

Các vua Miên từ đó phải bỏ miền Bắc để tránh người Thái, xuống ở miền Nam, dựng đô ở Oudon, phía trên bến đò Kompong Luong vài cây số, rồi lại dời lần nữa xuống Nam Vang, sau bị Việt rồi tới Pháp đô hộ.

----

(1) Hiện nay có cuốn *Les Monuments du groupe d'Angkor* của Maurice Glaize, bản in thứ nhì do nhà Albert Portail xuất bản năm 1948. Cuốn này khá đầy đủ. Tác giả có chỉ dẫn du khách về dân tộc, lịch sử, địa lý, tôn giáo Cao Miên, lại lập chương trình để đi coi phế tích theo con

đường nào, và những giờ nào để khỏi bỏ sót những chỗ đáng coi. Sách dầy 280 trang, rất nhiều hình ảnh và bản đồ. Nên coi thêm cuốn *Pour miex comprendre Angkor* của G. Coedès - Andrien neuve – 1947.

(2) Xem phụ lục

(*) Có người còn gọi là Lục Chân Lạp hoặc Thượng Chân Lạp

(**) Xem bức phù điêu thế kỷ 12 hoặc 13 tại đền Bayon tại Angkor Thom miêu tả chiến tranh giữa Khmer và Chàm

KIẾN TRÚC

Theo Chu Đạt Quan thì các cung điện của vua Miên ở cuối thế kỷ thứ XIII không xây bằng đá mà bằng những vật liệu nhẹ, như gỗ, gạch, ngói; còn dân thường thì ở nhà lá. Vậy phế tích Đế Thiên Đế Thích không phải là cung điện để vua ở. Theo

các nhà khảo cổ của trường Viễn Đông, nó cũng không phải là nơi để sùng bái chung như các nhà thờ ở châu Âu; nó là những điện nhà vua xây cất để thờ các vị thần hoặc tổ tiên của các triều đại; có ngôi chỉ là lăng tẩm. Hầu hết ngôi nào cũng hướng về phương Đông; điều đó tỏ rằng người Miên ở thế kỷ thứ XII vẫn còn chịu ảnh hưởng của một tôn giáo chung cho nhiều dân tộc thời cổ: tức sự thờ phụng mặt trời.

Kiến trúc của đền Angkor Vat, của hồ Neat Pean, của những con đường thăm thẳm ở Prak khan tỏ rằng các nghệ sĩ Miên biết bao quát, hoà hợp, có một nghệ thuật cao, hùng vĩ mà cân đối, làm cho ai cũng phải phục rằng cả miền Angkor là một công trình mạnh mẽ, thuần nhất và đẹp đẽ của một bộ óc biết tổ chức, suy nghĩ chín chắn. Chỉ tiết một điều là nhiều điện xây

cất cho mau xong, nên mắc nhiều lỗi về kỹ thuật: có đền đá chồng lên nhau mà không xen kẽ, lại không neo kỹ với nhau nên dễ đổ. Một điều đáng chú ý nữa là phần chính của đền cất trên một khu hẹp, chen chúc toà nọ toà kia, có vẽ đồ sộ, nhưng cho ta cái cảm giác nghẹt thở, nhìn lâu thấy mệt.

Vật liệu thường dùng là đá sa thạch dễ đục xen với đá ong và những viên gạch nung kỹ lớn, nhỏ nhiều cỡ, từ cỡ 22 x 12 x 4 tới cỡ 30 x 16 x 8,5 phân.

Người Miên ưa đục hình trên đá. Ở điện Angkor Vat có trên 12.000 thước vuông đá đục hình về đời các vị thần thánh. Ở đền Bayon, hình diễn lại đời sống hàng ngày và phong tục đương thời. Ở Sân Voi tại Angkor Thom, trên bốn trăm thước chiều dài, hiện lên hình những loài vật lớn bằng vật thiên nhiên.

Khi người Pháp tới, cả miền Đế Thiên Đế Thích bị bỏ phế trong một khu rừng ít ai lui tới. Đến năm 1898, chính phủ Pháp lập ra trường Viễn đông bác cổ và lưu ý tới sự bảo tồn những phế tích đó.

Họ phải phá rừng để vô, chống đỡ những bức tường, pho tượng đã sụp đổ, sau họ mới dùng một phương pháp đã thực hành từ lâu ở Hy Lạp, Java, tức phương pháp xây dựng lại những ngôi đền cũ bằng những phiến đá, viên gạch đổ của chính đền đó nếu có thiếu thì thêm những vật liệu mới nhưng thêm một cách kín đáo và dùng những vật liệu giống với vật liệu cũ. Nghĩa là họ phải tháo gỡ, tháo từng miếng, chùi cọ rồi sắp lại đúng với tấm hình và bản đồ của mỗi ngôi đền. Nhờ công phu đó mà ngày nay du khách được ngắm một kỳ quan và được biết thêm nhiều đoạn sử của dân

tộc Miên.

TÔN GIÁO

Mới đầu người Miên theo đạo Bà La Môn rồi sau theo đạo Phật, phái Tiểu thừa. Bốn vị thần Phật được họ thờ là:

- Thần Brahma sinh ra muôn loài.
- Thần Vichnou giữ gìn cho muôn loài khỏi bị tiêu diệt.
- Thần Civa tàn phá và kiến thiết.
- Phật Avalokitecvara, vị Phật của chu kỳ hiện tại.

Trong bốn vị đó, ba vị sau được thờ phụng nhiều hơn. Phật Avalokitecvara có bốn mặt quay về bốn phương trời để cứu nhân độ thế. Con rắn thần linga tượng trưng cho thần Civa. Còn thần Vichnou có khi là một con rắn có khi là một con rùa, có khi là một con lợn rừng, chính thần này khuấy nước biển cho thành sữa để nuôi

loài người.

Ngoài ra còn nhiều vị thần tượng trưng bằng voi, sư tử, bò… Đền nào ở Đế Thiên Đế Thích cũng chạm hình các vị thần. Tôi nhận thấy thần nào cũng trẻ, không như thần Trung quốc (*) phần nhiều có râu dài.

Nhờ cuốn *Guide Groslier* và nhờ ba người bạn đưa đi, tôi khỏi phải mướn người chỉ dẫn. Nghề chỉ dẫn du khách đã làm giàu cho một số người Miên. Hồi xưa họ sung sướng và nhàn hạ hơn công chức nhiều, nhưng từ khi có chiến tranh, đa số thất nghiệp.

(*) Sau 5 từ "Trung Hoa", ở đây lại xuất hiện từ "Trung quốc"! Tôi cũng phải chép đúng nguyên văn. Xin nói thêm là các từ nếu thấy sai chính tả tôi đều chỉnh lại cho đúng, ví dụ như Coedes (sai) được

sửa lại thành Coedès (đúng). Có thể trong tài liệu nguồn còn vài lỗi chính tả mà tôi không thấy và chắc chắn là có nhiều lỗi chính tả là do tôi gõ sai.

CHƯƠNG BỐN

ANGKOR THOM

(Angkor là đô thị - Thom là lớn)

NÚI BAKHENG

Sáng hôm sau, 24.1., anh H. và tôi mướn xe lô đi Đế Thiên Đế Thích (năm đồng một ngày). Hai anh Th. và T. đi sau. Hẹn đợi nhau ở Srah-Srang.

Chúng tôi định đi Angkor Thom trước, coi hết những đền trong vòng nhỏ và vòng lớn rồi cuối cùng mới đi coi đền Angkor Vat.



Qua cửa Angkor Vat tôi thấy vài người

chỉ dẫn quần áo chỉnh tề đợi du khách ở trước nhà cho mướn voi. Chúng tôi đi thẳng đến núi Bakheng, cách cửa tây đền Angkor Vat độ 1500 thước và cửa nam thành Angkor Thom độ 500 thước.

Trước khi ngắm một cảnh bao la tôi thường tìm chỗ nào cao để coi toàn thể cảnh đó đã. Cách Siemreap mười cây số về phía Bắc có núi Chrom cao trên trăm thước, đứng trên ngọn có thể bao quát gần hết miền mà người Miên xưa đã lựa để dựng kinh đô. Tôi tiếc không có thì giờ leo lên núi đó nhưng cũng không ân hận mấy vì đã lên núi Bakheng.

Nghe nói xưa núi này cao và lớn, người Miên đục ra lấy đá để xây vài ngôi đền tại Đế Thiên (Angkor Thom) cho nên nay chỉ còn cao độ sáu chục thước. Chỉ có một lối lên, trông xuống con đường nhựa

nối Angkor Vat và Angkor Thom. Lối đó dốc, không xây bực, đá thường lăn ở dưới chân, cho nên lên đã mệt, xuống lại khó. Tôi gắng lắm mới khỏi nghỉ ở lưng núi. Lên tới ngọn, đầu tôi choáng váng, nhưng nhờ không khí trong và mát, chỉ nghỉ vài phút sau đã hết mệt.

Nhưng tôi còn phải leo nữa vì đó chỉ mới là cái sân rộng mỗi chiều độ trăm mét. Giữa sân là một mái ngói nhỏ che một phiến đá có đục lõm xuống thành hình một bàn chân dài độ hai thước. Người Miên bảo đó là một bàn chân Phật, còn một bàn chân nữa ở núi Kulen (1) tức núi Phật tổ. Những người lên núi Kulen rồi nói chuyện rằng hai bàn chân đó tuy lớn như nhau, nhưng ngón chân bàn này hướng về một phía thì ngón bàn kia hướng ngược lại, thành thử không biết Phật đứng cách nào.

Xét như vậy cũng tỉ mỉ quá.

Cuối sân là một cái tháp mà muốn lên ngọn phải trèo lên năm thang đá nữa, thang dưới 10 bực, thang kế 9 bực, cứ mỗi thang rút đi một bực, thang cuối chỉ còn 6 bực. Mỗi bực cao 20 phân, rộng 20 phân; đặt dọc bàn chân không được, phải đặt ngang, tay bấu lấy bực trên cho khỏi ngã. Người Miên nói nhà kiến trúc chủ ý làm như vậy người đi xuống phải đi ngang không quay lưng vào đền thờ Phật. Đó chỉ là một lối giảng. Theo tôi, những bực hẹp và cao đó có một tác dụng kiến trúc: kể cả năm thang cao chỉ có tám thước thôi, nhưng ở xa nhìn thấy thang dựng dứng lên, lại gần phải ngửa mặt lên mới thấy bực chót thành thử thang có vẻ cao lớn, làm cho ta ngộp.

Tháp ở trên núi tựa tháp Chàm, xây bằng sa thạch trên nền đá ong. Bốn mặt

quay ra bốn phương, đều chạm trổ.

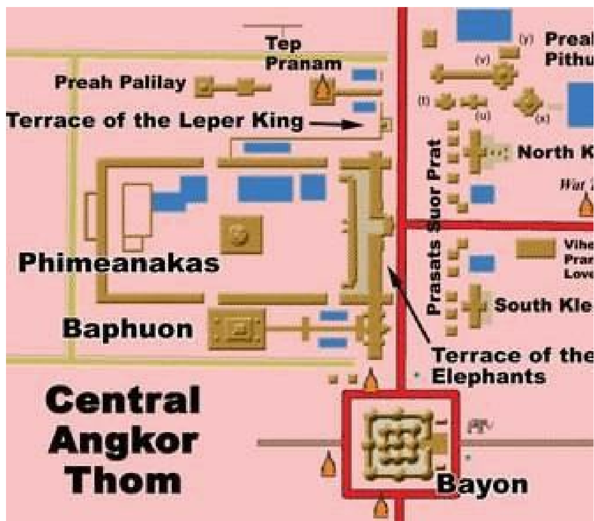
Đứng dưới chân tháp, nhìn chung quanh, ta thấy một biển cây gợn sóng; phía nam hiện lên một cánh cò trắng, tức nhà hàng Grand Hôtel, phía tây hồ Barai loang loáng tựa lưỡi gươm; phía bắc núi Chrom nhô lên thành một đảo con, và ở chân trời xa tít, chạy một dãy núi xanh biếc: núi Kulen.

Ở dưới chân ta ẩn hiện một dòng nước xinh xinh, uốn khúc ôm những búp sen của đền Angkor Vat. Ta tưởng như đứng trên một núi non bộ vĩ đại, ngắm một vườn thượng uyển mênh mông còn ngủ trong ánh vàng và gió hiu hiu của buổi sớm.

----

(1) Trong những tên Cao Miên, chữ u đọc như chữ u Việt, không phải chữ u Pháp; vần ai, ei đọc như ay, ây Việt.

THÀNH ANGKOR THOM



Chúng tôi xuống núi, vừa lên xe ngồi được một chút đã thấy cửa nam thành Angkor Thom thăm thẳm ở trước mặt. Cửa cao hơn mười thước, xây trong một bức tường, trên có vị Phật Avalokitecvara.



Đền Angkor Thom chìm trong rễ đại thụ

Thành này vuông vắn, mỗi chiều dài 3.000 thước chung quanh có hào rộng chừng 100 thước, đầy lục bình. Sau hào là một bức tường cao chừng tám, chín thước. Bốn cửa chính hướng về bốn phương

đông, tây, nam, bắc. Phía đông có thêm một cửa nữa. Trong thành là cả một khu rừng thưa chứa không biết bao nhiêu phế tích.

ĐỀN BAYON

Ở cửa nam vào, chúng tôi lại thẳng đến Bayon thờ Phật Avalokitecvara bốn mặt, một ngôi đền cực kỳ vĩ đại, tân kỳ. Khắp thế giới có lẽ không đâu có một kiến trúc phảng phất như vậy.

Hồi trước, Pierre Loti phải chém phá những gai góc, dây leo, len lỏi mới vô được đền vì "rừng ôm chặt lấy nó ở khắp phía, bóp nghẹt nó, nghiến nát nó; những cây đa chễm chệ ngồi trên nóc tháp như ngồi trên bệ, đã hoàn thành công việc tàn phá".

Một cái bệ không cao, một chiều 160 thước, một chiều 140 thước. Trên bệ là ba

dãy phòng bao bọc chung quanh. Dãy ở ngoài đã bị thời gian tàn phá, chỉ trơ những cột đá cao độ hai thước và vài bức tường chạm đủ các hình sinh hoạt thời xưa của người Miên đời các vị vua chúa, các ông lục, quan lại, dân chúng, lính tráng.

Dãy ở giữa còn được gần như nguyên vẹn, có nóc bằng đá – toàn bằng sa thạch – chia ra từng phòng nho nhỏ chừng hai thước một chiều. Trên tường cũng chạm trổ như dãy ngoài: có những hình voi, xe ngựa kỳ dị, những đầu búi tóc đủ kiểu, những bộ mặt hung dữ, những chiếc xiêm lạ lùng, những vị thần nghiêm trang, hiền từ. Đi trong dãy phòng đó, luôn luôn ta phải bước lên, thụt xuống, vì có chỗ cao, chỗ thấp. Không khí nặng nề, khó thở, ẩm thấp, lạnh lẽo, mà ánh sáng thì xám xám, đùng đục. Tôi hơi rùng mình, tưởng như ở

đây còn vướng chút hồn của người xưa mà hình ảnh chập chờn trên tường đá.



Qua một lối đi nữa, ta vô dãy sau cùng, lại càng thấy rùng rợn hơn. Ta vội vã bước vào sâu để tìm chút ánh sáng ấm áp, vàng vàng ở trong cùng kia, trong khoảng sân hẹp dưới hàng trăm cặp mắt của Phật Avalokitecvara. Ở đây có 50 cái tháp (*), cái nào cũng cao trên mười

thước. Có 172 mặt người (tức 43 đầu Phật mỗi đầu có 4 mặt) lớn hai, ba thước, cái ở trên cao, cái ở dưới thấp, cái sáng một nữa, cái sáng một góc, cái sáng cả, cái tối cả, hướng đủ bốn phương trời, và cái nào cũng có cặp mắt hiền từ, cũng có nụ cười khoan hoà, mỉa mai và bí mật.

Nhưng phải tới đây một đêm trăng mới thấy được cái vô cùng thần diệu, cái vô cùng kỳ dị của cảnh, thấy được cái tài tưởng tượng và sáng tác không tiền khoáng hậu của nghệ sĩ. Ta sẽ thấy dưới ánh trăng huyền ảo có cặp mắt long lanh như cười loài người khờ dại; có cặp mắt ươn ướt như khóc nhân thế trầm luân; có cặp môi như trêu cợt mỉa mai; có cặp môi như mấy máy muốn nói; có nụ cười từ bi, có nét mặt vỗ về; lại có cặp mắt như động lòng nhắm lại, có vẻ mặt như thương tâm mà quay đi.

Trăm bảy mươi hai mặt cùng một khuôn mà trăm bảy mươi hai vẻ! Quả thực là một thế giới kỳ dị trong thần thoại do những sinh vật hoàn toàn khác chúng ta dựng nên.

Ta thẫn thờ trước cảnh và tự hỏi: Làm sao họ chở được cả những núi đá đó qua biết bao rừng sâu, đồng lầy từ dãy núi Kulen tới đây; rồi dùng vôi cát gì để gắn mà trải mấy trăm năm không đổ, không hề dùng máy đóng cừ mà nền dưới sức nặng thế kia vẫn không sụt; họ mài làm sao, xếp làm sao mà nhiều chỗ hai phiến đá khít nhau đến nỗi ta lầm là một phiến; và đục chạm làm sao mà nét đều, sắc như vậy; trăm mặt Phật giống nhau như vậy?

Tất cả các du khách đều ca tụng kiến trúc ngôi đền này. Doudart de Lagrée bảo nó là "thần tiên, lạ lùng", Tissandart khen nó là độc nhật trên thế giới. Và Pierre Loti

viết: "Tôi ngửng đầu lên nhìn những tháp dựng đứng ở trên cao, chìm trong cảnh xanh tươi đó, và thình lình tôi rùng mình, sợ sệt – một nỗi sợ mà tôi chưa từng biết – khi tôi thấy một nét mỉm cười lạnh lẽo rơi từ trên cao xuống tôi… rồi lại có một nét mỉm cười nữa ở đằng kia, trên một mảnh tường khác… rồi ba, rồi năm, rồi mười cái mỉm cười, đâu cũng có; tôi bị giám sát ở khắp nơi".

Theo các nhà khảo cổ thì vua Jayavarman VII mới đầu cất ngôi đền này theo kiểu đền Ta Prohm hay Banteai Kdei để thờ Phật, sau sửa đổi nhiều lần, dựng lại trên nền cũ, xây thêm phòng, thêm hành lang, tháp, nên đền thiếu tính cách thuần nhất, chật chội, có nhiều mực cao thấp khác nhau. Trên ngọn tháp tại trung tâm đền là tượng của vua Jayavarman VII, vị

Phật vương, nghĩa là một vị Phật đầu thai xuống làm vua.

Ngồi nghỉ ở sân đền, ngắm các mặt Phật hồi lâu, chúng tôi lui ra, lòng hoang mang, óc vơ vẩn. Xuống khỏi bệ đá, dẫm lên lá rụng của rừng thưa, nghe tiếng xào xạt dưới chân, tiếng rào rào trên đầu, chúng tôi tưởng như tiếng của nghìn xưa đưa lại.

(*) Có tài liệu cho rằng ở Bayon có tất cả 54 cái tháp.

ĐỀN BAPOUN

Chúng tôi thơ thẩn lại Bapoun. Ở đây không khí dễ thở hơn. Một lối đi rộng trên 10 thước, dài trên 200 thước làm toàn bằng những phiến đá lớn, bắt trên những cột cao hơn một thước, tựa như một chiếc cầu, nên thực đồ sộ, còn cao hơn đền

Bayon; nếu xây cất ở một khoảng trống thì vẻ oai nghiêm tăng lên nhiều.

Cuối lối đi là một toà ba từng, nhiều chỗ đá nứt, nền đã sụp. Trên tường cao nhất là một ngôi đền cũng chạm trổ, cũng có những dãy phòng ở chung quanh. Chúng tôi không vào, ngồi ở ngoài ngắm rừng. Sau khi nhìn những toà đá đồ sộ ở Bayon, tôi cho mắt nghỉ ngơi trên những chòm lá xanh non run rẩy trong gió ở dưới chân tôi.

BỆ VOI ĐỀN PHIMÉANAKAS



Ở Bayon xuống, chúng tôi lại "Bệ nhà

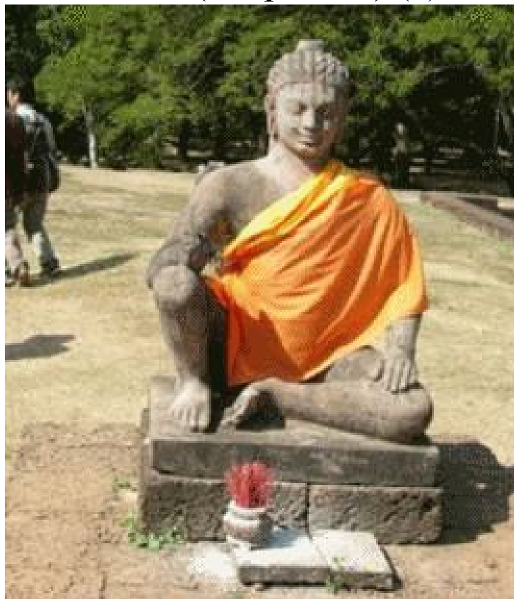
vua" cũng gọi là "Bệ voi" vì bức tường bằng đá cao độ bốn thước, bao bọc bệ, có đục những hình voi lớn bằng voi thực, con thì nhổ sen, con thì khiêng kiệu. Bệ rộng khoảng 200 thước, dài 300 thước. Có hai bực lên, ở giữa bệ có đền hệt như Bapoun, nhưng nhỏ hơn. Đền đó là đền Phiméanakas. Chu Đạt Quan trong tập du ký bảo đền này có cái tháp bằng vàng, chỗ nghỉ ngơi của nhà vua. Dân chúng thời đó tin rằng trong đền có hồn một con rắn chín đầu làm chủ cả non sông, cứ đêm đêm nó hiện hình thành một người đàn bà rất đẹp; nhà vua đúng canh một phải tới tháp ân ái với nó trước, rồi mới tới phiên hoàng hậu hoặc các cung phi tần. Nếu nó hiện lên mà vua không tới thì thế nào nhà vua cũng gặp tai vạ; nếu nó bỗng nhiên không hiện lên nữa là số mạng nhà vua sắp hết.

BỆ VUA HỦI



Chúng tôi không vào Phiméanakas, qua bệ bên cạnh, "bệ Vua hủi". Bệ này không có gì đặt sắc, ngoài cái tượng Vua hủi. Vua hủi ngồi một chân xếp bằng, chân kia đầu gối đưa lên, thân thể loã lồ - trong nghệ thuật Cao Miên không thấy có một tượng thứ hai như vậy – nhưng không có cơ quan sinh dục. Người ta vẫn chưa biết tượng đó là vua nào hay thần nào. Có

người bảo là thần Civa, có người coi chữ khắc trên bệ lại bảo là thần chết Pharmarâja. Lại có thuyết bảo là vua Jayavarman VII (coi phụ lục) (*)



Theo ông Coedès, tác giả cuốn *Pour*

mieux comprendre Angkor thì bệ vua hủi này hồi xưa là nơi hoả thiêu các người chết trong hoàng tộc, cho nên mới dựng tượng thần chết ở đó. Thuyết ông không phải là vô lý. Hiện nay ở Nam Vang và Bangkok, những nơi để hoả thiêu các ông vua đều ở phía bắc cung điện, thì bệ Vua hủi này cũng ở phía bắc cung điện vua Miên thời xưa (1).

Trước mặt bệ Voi và bệ Vua hủi là một cái [sân] (**) hình chữ nhật, dài 550 thước, rộng 200 thước, nay dọn trống. Chu Đạt Quan chép rằng: "Sân đó chứa hàng ngàn người, dâng đèn kết hoa và đêm đêm người Miên đốt pháo bông cho nhà vua ngắm. Cứ mỗi tháng có có một cuộc lễ. Tháng chín bá tánh mọi nơi họp ở đó, tháng năm người ta chở tất cả các tượng Phật về đây tắm rửa trước mặt nhà vua.

Mỗi khi nhà vua ra ngoài thành thì kỵ binh, cờ quạt, đội nhạc dẫn đường, rồi tới cung nữ bưng những đồ vàng đồ bạc, kế đó là xe ngựa, xe dê thùng và gọng chạm bạc. Bá quan cưỡi voi che lọng. Phía sau là hoàng gia, cuối cùng là vua cưỡi voi mà ngà đều bọc vàng. Cán lọng cũng bằng vàng. Một đội kỵ binh hộ vệ nhà vua".

----

(1) Tượng vua Hủi đã giúp Pierre Benoit tưởng tượng một truyện nhan đề là *Le roi Lépreux* (Albin Michel) nữa tình ái, nữa mạo hiểm, khung cảnh là Đế Thiên Đế Thích, nhưng không liên quan gì tới cổ sử Cao Miên cả.

(*) Có người cho rằng cái tên Hủi xuất phát từ sự ngã màu của pho tượng cộng với những mảng rêu mốc do nắng mưa.

(**) Chữ trong dấu ngoặc đứng do

Goldfish ghi thêm.

CỬA KHẢI HOÀN



Ở bệ Vua hủi, chúng tôi tiến lại cửa Khải hoàn. Cửa này cũng như cửa nam thành Angkor Thom, nhưng hai bên thêm

hai dãy thần ngồi ôm con Naga, mỗi bên 54 vị lớn hơn người thực cách nhau độ hai thước, coi cũng có vẻ hùng vĩ. Con Naga thuộc loại rắn hổ mang Ấn Độ (cobra) nhiều đầu; theo thần thoại Miên, nó là thần nước, lấy đầu che đức Phật khi ngài ngồi thiền định.



Tượng nữ thần tăng đồ

Hình khắc trên đá trong đền Angkor



CHƯƠNG NĂM

CÁC ĐỀN NHỎ

ĐỀN TAKEO (Ông tổ kèn)



Khỏi cửa Khải hoàn độ một cây số, vẫn trên vòng nhỏ, chúng tôi dừng lại trước cửa đền Ta Keo. Kiến trúc đền này khác hẳn đền Bapoun và Phiméanakas. Giản dị (*) hơn vì năm ngôi tháp ở trên ngọn gom lại gần nhau, hợp thành một khối. Có hai từng, không cao lắm nhưng bệ vệ, oai nghiêm.

(*) Có người cho rằng: "…ngay khi

nhân công vừa xây xong phần đá, các nghệ nhân bắt đầu công việc điêu khắc thì ngôi tháp cao nhất bị sét đánh dữ dội (có thể do lúc đó bắt đầu mùa mưa). Nhà vua thấy vậy nên cho rằng đó là điềm xấu, và ra lệnh ngưng mọi việc." Theo *Cambodge ký sự* của Kenny H

ĐỀN TA PROHM (Ông tổ Brahma)

Ở đền Ta Keo ra, đi thẳng xuống phía nam độ hơn một cây số đến cửa tây đền Ta Prohm. Một lối đi dài khoảng 500 thước đầy lá rụng, thẳng tấp ở giữa rừng cây cao vút. Không một tiếng động. Đền bằng đá, thấp, có nhiều dãy phòng, nhưng nay đã đổ cả. Kiến trúc không có gì đặc sắc, tựa như một ngôi chùa cổ của ta, không có nhiều bực, không có tháp cao. Đá nằm ngổn ngang, lấp cả lối đi. Ánh sáng lờ mờ. Không khí hôi hám. Từng đàn dơi ôm chặt

lấy đá, trông rợn người.



Du khách nhận thấy điều này là tất cả các đền Đế Thiên Đế Thích chỉ có đền này còn giữ cái vẻ hoang vu ở giữa rừng. Trường Viễn đông bác cổ đã có sáng kiến lựa nơi đây mà bảo tồn cảnh thiên nhiên để ta hưởng chút cảm giác rùng rợn của các nhà thám hiểm hồi trước. Sáng kiến đó đáng khen và đền Ta Prohm là nơi mà chúng tôi thích nấn ná lại lâu nhất.

Ở đây mới thực là cảnh hoang tàn. Ở đây ta mới thấy sự chiến đấu giữa cây và

đá, giữa loài người và hoá công. Có những rễ cây lớn mấy tấc, dài hàng chục thước, uốn khúc ôm lấy bệ của toà đền và nổi gân lên như muốn vặn cho nó đổ mới chịu thôi. Có cây lại kiêu căng ngồi xếp bằng trên một toà khác, ung dung thả hàng trăm rễ xuống, như hàng trăm tay của loài bạch tuộc, ghì chặt lấy mồi của mình, không cho nó cựa rồi hút dần tinh tuỷ của nó, cho thịt nó rã, xương nó tan mà hiện nay ngôi đền cũng đã gần tàn, gần rã. Có cây độc ác hơn, đâm một rễ lớn từ đỉnh đền xuống như cắm lưỡi gươm vào đầu quân thù.

Kỳ thuỷ, nó chỉ là một hạt nhỏ hơn hạt thóc, bay theo luồng gió nhẹ rồi dính vào lông con chim hay một con nai uống nước bên bờ suối. Rồi không hiểu sao, một ngày nọ nó tới đây. Đền miếu ở đây nguy nga mà đất cát ở đây mênh mông. Nó chỉ xin

một chút khe đá để tránh gió ngàn và mưa nguồn. Đá không hẹp lòng, che chở cho nó. Và nó cũng không sống nhờ đá. Một hạt bụi, một giọt sương đủ nuôi nó hàng tuần.



Không ai để ý tới nó nữa. Nó hiền từ sống. Nhưng khi người ta nhớ tới nó thì nó đã diễm lệ, uyển chuyển, phất phới những khi trăng rằm lên. Nó đã có giọng hát du dương khi tới gió mai nổi và đỏm dáng làm sao, nó đã biết cài những đoá hoa mát

như xuân, thơm như hạ trên mái tóc xanh của nó.

Người ta cho nó là vô hại, lại cảm ơn nó đã tô điểm cho cảnh cứng cỏi, buồn thảm của đá này. Người ta cầu cho nó sống.

Rồi bẵng đi khá lâu, người ta trở lại thì nó đã trở thành một hung thần không sao đuổi được. Nó đâm nanh mọc vuốt.

Mới đầu những nanh vuốt đó chỉ là những sợi tơ đầy nhựa, óng ánh, trắng nỏn thòng từ cành xuống, đong đưa dưới gió chiều. Một con chim chạm cánh vào nó, nó gãy, một con kiến cắn nó, nó cũng đứt. Nhưng nó đã tới mặt đất, đâm sâu xuống đó, hoặc len được vào một khe đá. Người ta tưởng nó sẽ chết bẹp ở chổ tối om om và chật hẹp của khe đá, nhưng không, nó vẫn sống, đẩy đá ra hai bên để sống. Và

bây giờ không còn ai lay nổi nó nữa.

Anh em chúng rất đông, kín cả khi đất mênh mông này. Chúng ôm, ghì, đè, đẩy, vặn, đục, làm đủ mọi cách cho đá lần lần rã ra, nghiêng đi, đổ sụp ở chân chúng. Lâu đài nguy nga không còn nữa, nay chỉ còn những hang cho chồn ở, những khe cho kiến bò và một nguồn cảm hứng vô tận cho khách hoài cổ.

Theo tấm bia trong đền thì hồi xưa đền chứa tới 12.640 người, trong số đó có 18 hoà thượng, 2.740 thầy tư tế, 2.232 người giúp việc và 615 vũ nữ. Vua Jayavarman VII đã cho xây đền này để thờ tổ tiên, sai đục 260 bức tượng, dựng 39 ngọn tháp, 566 khóm nhà bằng đá, 286 ngôi nhà bằng gạch.

3.140 làng và 79.365 người phải hầu hạ và cung cấp cho đền. Đền có tới năm

tấn đĩa chén bằng vàng, 512 giường, 524 cái lọng; ngọc trai đếm được bốn vạn viên, kim cương 35 hạt, ngọc thạch 4.540 viên. Không hiểu dân Miên hồi đó dược nữa triệu người không mà phải chịu cái gánh nặng dường ấy!

ĐỀN BANTEAI-KDEI (Thành trì các phòng nhỏ) HỒ SRAH SRANG

Ở đền Ta Prohm ra, chúng tôi lại đền Banteai-Kdei, kiến trúc như hệt đền trên. Trước mặt cửa đông là một bệ đá rộng chừng vài chục thước, hai bên có tay vịn chạm hình sư tử và rắn thần.



Bệ đưa xuống một cái hồ một chiều 300 thước, một chiều 700 thước, bốn bề làng xóm đông đúc. Hồ tên là SRAH SRANG (chỗ tắm của nhà vua).

Tới đó thì đã thấy hai anh Th. và T. ngồi đợi.

Bốn anh em đang nằm dài trên bệ đá, gối đầu vào cánh tay, nghe gió thổi trong lá thì bỗng có tiếng gọi:

- Lục, lục (ông, ông).

Nhỏm cả dậy. Một người Miên đứng dưới bệ nhìn lên, gọi chúng tôi. Anh Th.

hơi biết tiếng Miên, nói chuyện với người đó trên một phút. Khi anh vừa ngừng, chúng tôi đồng thanh hỏi:

- Cái gì vậy, anh?

Vì nhớ tới những vụ cướp xảy ra mấy tháng trước.

- Có lẽ nguy hiểm. (Câu này anh Th. nói bằng tiếng Pháp)

- Tại sao?

Anh không đáp, quay đi, nói chuyện với người Miên. Một lát anh lại ngừng, chúng tôi lại hỏi:

- Có gì không?

Anh suy nghĩ, không đáp, lại tiếp tục hỏi người Miên. Chúng tôi nhìn chăm chăm người này: mặt y hiền lành thản nhiên, nhưng chúng tôi vẫn phập phồng, giận mình là không biết tiếng Miên.

Một lát sau, tôi nghe y nói :

- Bạt, bạt... (phải, phải)

luôn bốn, năm tiếng, vừa nói vừa gật đầu.

Rồi anh Th. Quay lại, cười vang lên:

- Có gì đâu, nó tưởng mình là ông thú y Đ., muốn mời về nhà chơi. Tôi giảng, nó hiểu rồi. Mới đầu nó nói những tiếng gì, mình chỉ hiểu được là "về nhà, về nhà" tưởng là cướp mà hoảng.

Sau câu chuyện đó, chúng tôi mở thức ăn. Nước vỗ nhẹ dưới chân, gió vi vu trên đầu, lại thêm những câu chuyện vui bên Lào của ông Th. Đã lâu mới được ăn một bữa cơm giữa trời thú như vậy.

Nghỉ ở Srah Srang một giờ rưỡi. Một giờ chiều chúng tôi bắt đầu đi vì chương trình buổi chiều còn nặng. Rừng vắng tanh. Đường thăm thẳm dưới hai hàng cây cao. Thỉnh thoảng một con khỉ đánh đu trên

cành tò mò nhìn chúng tôi qua.

ĐỀN PREY-RUP (Lật xác lại)

Một lát sau chúng tôi thấy hai chiếc xe lôi đậu ở dưới chân đền Prey Rup (tiếng Miên nghĩa là lật xác người chết lại, một lễ nghi trong lúc hoả thiêu).

Tương truyền ngày xưa có một ông vua Miên rất thích trồng được một thứ dưa rất ngon, muốn ngăn kẻ trộm, ra lệnh cho người làm vườn giết những kẻ đêm tối lởn vởn chung quanh vườn. Một đêm nhà vua thèm dưa, vi hành tới vườn, người làm vườn tưởng lầm là kẻ gian phi, hạ sát ông. Đền Prey Rup này để kỷ niệm ông vua đó.

Trèo lên đền, chúng tôi thấy bốn người Bắc đang ngắm cảnh. Chúng tôi chào nhau.



Kiến trúc đều phản phất như đền Ta-Keo. Có ba từng, từng dưới sáu tháp, từng giữa ba tháp, từng trên một tháp. Các tháp đều gom lại ở trên một bệ cao nên có vẻ hùng vĩ mà vẫn xinh.

Đặc sắc của đền là xây toàn bằng gạch, dầy hơn gạch ta, màu đỏ tươi, nung rất kỹ, cạnh góc chưa hề sức sở. Ông Groslier bảo hồ để xây tường là một chất nhựa lấy

ở cây, tốt như xi-măng.

Tháp tựa như tháp Chàm. Ngọn trên cũng lộ thiên, có hai vị thần, một cao một thấp. Trước tháp, ở một sân gạch, có một cột đá tròn, cao độ thước rưỡi, tượng trưng khí dương.

Từ Prey Rup đi Ta Som, đường băng qua hồ Ba-rai đông (hiện đã cạn, thành ruộng) và ngang đền Mé-bon đông, tựa như đền Prey Rup, nhưng nhỏ hơn. Chúng tôi rẽ vào coi qua đền Ta Som. Đền cũng hoang vu như đền Ta Prohm, không có gì đặc sắc.

NEAK PEAN (Rắn cuốn mình)

Chúng tôi nghỉ hơi lâu ở Neak Pean. Đây không phải là một đền mà là năm cái hồ, cái lớn nhất ở giữa, - mỗi chiều chừng tám chục thước- bốn cái nhỏ - mỗi chiều bốn chục thước - ở chung quanh. Hồ xây

bằng đá, sâu độ bốn thước, nay cạn.



Giữa hồ lớn nổi lên một tháp nhỏ, chạm hình súc vật (*). Một cây nhỏ rủ cành trên ngọn, cho ta cảm giác đứng trước một núi non bộ.

Người ta nói hồi xưa hồ hứng nước nhiều ôn tuyền ở chung quanh, nên dùng để tắm những người mắc những chứng bệnh nào đó. Theo Delaporto thì hồ xây để thờ

Phật khi Ngài đã nhập niết bàn và để các nhà tu hành gội hết bụi trần mà tiến lên đường đạo. Nước ở hồ giữa khi nào nhiều quá sẽ chảy qua bốn hồ chung quanh do một lỗ đục trong bụng một con voi đá, đuôi ở hồ lớn, vòi ở hồ nhỏ.

Tôi tưởng tượng hồi xưa, mây ngũ sắc chiếu lên, cây chung quanh rủ xuống, mặt hồ đẹp biết bao, nhất là những ngày lễ, thiếu nữ Miên, xiêm y sặc sỡ lại đây cúng Phật, cảnh càng thêm linh động, diễm lệ. Ý nghĩ xây năm cái hồ nầy cũng tân kỳ.

(*) Và tượng con rắn cuốn mình dưới chân nền tháp giữa hồ.

ĐỀN PRAK KHAN (Gươm thần)



Bỏ đền Krol Kô ở trước mặt Neak Pean, bỏ đền Banteai Prei cách Neak Pean độ hai cây số, chúng tôi ngừng lại ở đền Prak-khan. Đền này phản phất như đền voi phục ở Hà Nội. Cũng có một lối ra vào, dài 300 thước, thăm thẳm giữa hai hàng cây cành lá xum xuê và lè tè, mọc bên bờ nước. Nhưng chu vi rộng hơn nhiều: mỗi chiều khoảng 800 thước, bề mặt 56 mẫu tây. Đền cũng do vua Jayavarman VII xây

cất để thờ cha mẹ. Xưa đền có 515 pho tượng, một dưỡng đường, một trạm nghỉ. Số người phục vụ non mười vạn, trong đó có 1000 vũ nữ.



Ở cửa đông vào, thấy hai bên hai dãy chúc đài (trụ đèn) bằng đá cao hơn đầu người, rồi tới hai dãy thần đỡ con naga. Cảnh hùng vĩ, kỳ thú và chưa vào đền, ta đã có cảm tình với đền.

Kiến trúc cũng giống như đền Ta Prohm nhưng lớn hơn và đẹp hơn.

Ta đi giữa hai hàng cột đá, ngừng lại ở "hành lang mặc tưởng" mà trên tường chạm không biết bao nhiêu Phật tỉnh toạ trên toà sen. Ánh nắng xê xế lọc qua cành lá, toả trên rêu, phản chiếu lại, xanh dịu tưởng đâu như nhuộm một màu ngọc thạch huyền ảo.

Ta thấy nơi này khác xa thế giới ở ngoài và tưởng tượng cảnh những ông lục xưa thiền định ở đây, trong ánh sáng đó và trong hương trầm.

Qua "hành lang mặc tưởng" bước vào "hành lang ca vũ" chạm hàng trăm vũ nữ múa theo nhịp đờn. Nét chạm khắc tinh vi làm sao: dáng điệu rất mềm mại, thớ thịt rất rõ rệt, thân thể đẫy đà mà không thô, miệng tươi mà đa tình. Xưa những hình đó đều dát vàng dát ngọc, và dưới ánh lung linh của hàng trăm ngọn nến, những hình đá

đó hoá ra linh động, cùng hoà một khúc với các nàng "mái" của nhà vua.

Ngoài hai hành lang đó ra, đền còn một đặc sắc nữa là có hai dẫy tò vò như trong một giáo đường La-mã.

Một vài cây, thân thẳng tắp, võ trắng bệch, mọc ngay ở bên, không làm cho nơi âm u đó thêm sáng, thêm vui mà chỉ làm cho thêm lạnh, thêm ghê. Màu trắng vỏ cây đó ở đây sao có vẻ nhợt nhạt như da người chết!

MỘT CHỦ QUÁN BẮC

Ở cửa tây đền Prak Khan chúng tôi đi thẳng lại cửa bắc thành Angkor Thom. Gần tới thì gặp bốn người lính Miên đeo súng đi tuần.

Xe chạy thẳng xuống phía nam, qua bệ Voi và đền Bayon mà chúng tôi đi coi buổi sáng, lướt chân núi Ba khang

[Bakheng?] rồi đậu lại trước cửa đền Angkor Vat.

Lúc ấy đã bốn giờ chiều. Hai anh Th. Và T. đã mệt vì đạp xe máy trên bốn chục cây số. Chúng tôi vào nghỉ trong một quán cơm gần đó.

Tôi gọi đồ giải khát. Chủ quán quen miệng đáp:

- Bạt, lục (Thưa ông, vâng).

Ông ta là người Hải Dương, lập nghiệp ở đây đã trên hai mươi năm: đầu lơ thơ vài sợi tóc, cặp mắt ti hí, để râu mép như Quan Công, mặt chảy ra, nhờn những mỡ. Hoàn toàn là một Huê kiều Quảng Đông. Có lẽ người ta chịu ảnh hưởng của đất nước không nhiều bằng chịu ảnh hưởng của nghề nghiệp.

Ăn vài chiếc cuốn bì rồi chúng tôi đi coi công trình tuyệt đỉnh của kiến trúc Cao

Miên.

CHƯƠNG SÁU

ANGKOR VAT

(CHÙA MÀ LÀ ĐÔ THỊ)

VÀI CẢM TƯỞNG CỦA TÔI VỀ KIẾN TRÚC CAO MIÊN

Những sách chỉ dẫn mà tôi đã đọc như cuốn *Angkor* của Groslier, bộ *Guides* của Marchall, cuốn *Guide* của Grolier (*) đều tả tỉ mỉ kiến trúc những đền Đế Thiên Đế Thích, nhưng không cuốn nào cho tôi biết đại cương về sự tiến hoá hoặc biến chuyển của khoa kiến trúc đó, vạch cho tôi những giai đoạn mà nhà kiến trúc Cao Miên đã qua để đi tới giai đoạn Angkor Vat, phân tích đặc điểm của từng giai đoạn.

Chúng tôi không phải là nhà khảo cổ, lại đi coi rất vội trong một ngày, mà mới coi được mười hai đền, nhận xét chắc chắn là có chỗ nông nổi, nhưng cảm tưởng ra sao, xin ghi lại dưới đây, chẳng qua chỉ để gợi óc so sánh của độc giả, biết đâu chẳng có vị tò mò, tìm kiếm thêm mà hiểu rõ kiến trúc Cao Miên.

Chúng tôi nhận thấy rằng những đền Đế Thiên Đế Thích cất theo bốn kiểu:

1) Kiểu thứ nhất gồm những đền như Ta Prohm, Banteai Kdei, Ta Som, Prak-khan (đẹp nhất là đền Park khan). Những đền này có tường hay hào ở chung quanh. Nền thấp. Có hai lối đi thăm thẳm từ hai cửa đông và tây đưa vào, có một dãy phòng ở giữa và nhiều dãy phòng đưa qua hai bên tả, hữu.

2) Kiểu thứ nhì gồm những đền như:

Bakheng, Ta Keo, Prey Rup, Mebon đông (đẹp nhất là Prey Rup). Nền rất cao (thường cất trên ngọn đồi), có ba từng, có bực thang đưa lên, trên những từng đó có tháp, càng lên số tháp càng ít, tới ngọn chỉ còn một tháp.

Kiểu này đẹp hơn kiểu trên; tuy đền không rộng nhưng cao, gom lại, có vẻ uy nghi, mạnh mẽ.

Những đền cất theo kiểu thứ nhất phảng phất như đền của ta, của Tàu, còn những đền cất theo kiểu thứ nhì giống đền của Chàm.

3) Kiểu thứ ba gồm những đền như Phiméanakas, Bapoun, Bayon (đẹp nhất là Bayon). Nền cũng cao nhưng không cất trên đỉnh núi. Có ba từng, hai hay ba dãy hành lang đi suốt bốn mặt, giữa hai hành lang có một khu sân hẹp. Tại góc hoặc

giữa hành lang có tháp và ở giữa đền có một tháp cao, lớn, đẹp hơn cả.

4) Kiểu thứ tư là Angkor Vat, tập thành ba kiểu trên. Cũng có tường, hào chung quanh, cũng có những lối thăm thẳm đưa vào đền như kiểu thứ nhất, cũng có nền cao, ba từng và nhiều tháp như kiểu thứ nhì và cũng có ba dãy hành lang bao bọc bốn phía như kiểu thứ ba.

(*) Hình như có sự nhầm lẫn. Trong "vài lời thưa trước" và trong chú thích ở chương ba, các sách được tác giả nhắc đến là: *Guide Groslier, Pour mieux comprendre Angkor* của G. Coedès và *Les monuments du groupe d'Angkor* của Maurice Glaize

ANGKOR VAT

Hết thảy những đền khác đều quay về

hướng đông, duy Angkor Vat quay về hướng tây. Người ta nói do địa thế bắt buộc đền không thể cất ở phía Tây đường được vì phía đó đất lầy, mà phải quay ra đường (đường này xưa vẫn có), cho nên phải hướng về phía tây.



Vua Jayavarman II đã cho khởi công đầu thế kỷ XII ở trên một khu đất dài 1.500 thước, rộng 1.300 thước, rộng khoảng 200 mẫu tây. Mất 60 năm mới xong. Đền là nơi thờ phụng ông và hình như xưa có chứa di hài ông.

Vì lẽ đền hướng tây và đẹp nhất, nên chúng tôi để lại sau cùng cái thú ngắm nó.

Phải đợi buổi chiều mới thấy cái cảnh thần diệu của ánh sáng tà dương trên những cột và hành lang bằng đá. Chúng tôi tới cửa đền hồi bốn giờ rưỡi chiều.

Đứng ở đường nhìn vào không thấy gì đẹp cả. Nhà kiến trúc vô danh muốn giấu viên ngọc trong cái vỏ tầm thường chăng? Sau khi coi những bệ Voi, những đền như Bayon, Bapoun, thì bức tường dài một cây số này ở giữa có đục cửa, mặc dù hùng tráng, cũng không cho ta thêm một cảm giác gì mới.

Nhưng khi ta đã qua cái hào rộng trên 200 thước mà lục bình như muốn giữ mây chiều ở trên nước, vừa bước tới cửa tây thì ta thấy có cái gì đè nặng lên tâm hồn ta.

Tôi nhớ lần đầu tiên đi thăm núi Hùng, vừa qua một khúc đường cong, bỗng thấy núi cao và rậm, sừng sửng dựng ngay

trước mặt như để án đường, tôi cũng có cảm giác như vậy. Lần này cảm giác mạnh hơn. Tôi không phải đứng trước một công trình kiến trúc nữa mà hình như đứng trước một sức mạnh thông minh, uy nghiêm, cao cả, muốn thống trị tôi.

Nhưng khi phân tích ra thì tôi không thấy được nguyên nhân. Cao thì không cao, còn kém Bayon. Rộng tuy có rộng, nhưng không bằng bệ Voi. Rất cân đối, rất điều hoà. Hàng triệu phiến đá đó (một nhà khảo cổ tính rằng cất đền này mất 22.000 thước khối đá) chỉ hợp thành một khối để diễn tả một ý tưởng hùng diễm. Ở đây ta thấy rõ một bộ óc chỉ huy tất cả, không như ở Bayon mà bệ hẹp quá, tháp lại cao quá, như có sự tranh giành của hai ba ý tưởng.

Ta từ từ tiến vào, nhẹ bước trên con đường rộng hai chục thước, lát toàn đá

lớn, và dài năm trăm thước, đưa từ cửa ngoài đến bệ của đền; tuy bước mà mắt vẫn dán vào ngôi đền như bị thôi miên, không chú ý tới hai toà thư viện và hồ vuông ở bên đường. Tôi đã hiểu tại sao một người đàn bà Mỹ thích cảnh này đến nỗi nguyện khi chết đi, được hoả thiêu rồi di hài được vãi trên con đường lát đá này. Di chúc đó được thực hành năm 1936. Di hài của bà ta chắc còn vương đâu đây, trong những kẹt đá chung quanh tôi.



Ta đã tới cái bệ. Bệ không rộng nhưng chễm chệ, quý phái. Ta trèo lên, quay lại, nhìn con đường hun hút mới qua, thăm thẳm giữ hai tay vịn, chói lọi dưới ánh chiều.

Ta nhìn vào đền: một hàng cột dài hai trăm thước, nửa sáng nửa tối, và một hàng

bóng xiên xiên, song song nằm trên hành lang. Ta ngửng lên, ba ngọn tháp chỗ trắng, chỗ xám cổ kính in trên nền trời xanh thẳm. Tôi thấy chói và ngợp.

Rồi tiến vào, qua hành lang thứ nhất, tới một khu sân, ngửng lên, ngọn tháp càng cao, cảnh càng tịch mịch, bóng các hàng cột có vẻ u huyền kỳ dị, làm tim thắt lại.

Đứng ở sân này ngó ra ngoài thấy mấy ngọn thốt nốt ló lên khỏi dãy hành lang thứ nhất. Ta muốn chặt những cây đó đi. Không ở đâu cây hại cho cảnh bằng ở đây. Cảnh ở đây khác với thế giới ngoài xa quá. Nhìn chung quanh chỉ có đá và bóng tối, nhìn lên trên chỉ có trời xanh và mây trắng, tatưởng như đã gần trời, đã cách biệt hẳn với thế gian, trút hết được những thị dục của ta mà thông cảm với các vị tinh tú đêm đêmsẽ tới thăm ta trên khoảng thăm thẳm

kia, cho nên ta thất vọng khi thấy mấy tàu thốt nốt đó. Lần đầu tiên ta ghét loài thảo mộc, nó làm hỏng cả một cảnh.

Lại leo lên hai chục bực nữa, qua dãy hành lang thứ nhì. Càng vào sâu, càng lên cao, bóng tối càng đè ta, tháp càng vươn lên. Mỗi bước đưa ta vào một thế giới khác.

Tới sân thứ nhì ta rùng rợn khi thấy một cầu thang bằng đá sừng sửng ngay trước mặt, dốc ngược xuống, bực rất nhiều và hẹp. Nhưng tháp trên kia quyến rủ ta, không thể không leo được. Ta vòng qua bên trái, chổ này một người đàn bà đã trượt chân té bể sọ, cho nên trường Viễn đông đã xây một bực bằng xi-măng có tay vịn. Phải bấu chặt vào tay vịn, chân đặt nghiêng, dò dò từng bực, mắt không dám nhìn lên mà cũng không dám đưa xuống.

Ta vừa trèo vừa đếm: ba mươi tám bực. Tới bực chót, ta thở một cách nhẹ nhàng, và ta ngồi nghỉ một chút cho tim bớt đập.

Ta đã ở trong một hành lang nữa, bên một cái hồ cạn dưới chân ngọn tháp cao nhất có bốn điện hướng về bốn phương trời. Ta từ từ bước vào, thấy mờ mờ tượng Phật.

Ai thiếu lòng tin nhất tới đây cũng phải mất cả lý trí không suy nghĩ gì được nữa, hoàn toàn bị tôn giáo cảm kích vì sức mạnh vô cùng của nó.

Ta mau mau lùi ra. Đứng ở góc hành lang kia thấy dễ thở hơn. Nhìn cái hồ giữa hai cột đá, ta tưởng tượng những khi hồ đầy, bóng tháp và cột chiếu xuống nước long lanh ánh trăng, cảnh huyền ảo làm sao! Lại một góc khác, nhìn xuống sân ở dưới xa, vàng vàng một màu cỏ úa, và

rừng ở chung quanh, âm u, xanh thẳm, ta thấy vui vui. Lúc này ta lại yêu cây cỏ, lại thích đón gió mát trên ngàn đưa về vì óc ta đã mệt sau khi bị kích thích quá mạnh.

Ta xuống ba mươi tám bực thang hồi nãy, đi chung quanh hành lang ở từng nhì: hàng chục tượng Phật bằng gỗ sơn xếp thành hàng, mặt trái xoan, nét rất thanh.



Ta xuống một cầu thang nữa, tới hành lang thứ nhất dài hai trăm thước một chiều

mà chạm cao đến hai thước tính ra có tới non hai ngàn thước vuông đá chạm. Có đủ cảnh: cảnh thiên đường, cảnh địa ngục, cảnh trần gian, cảnh giặc giã, cảnh cung diện với các vũ nữ, cảnh thần Vichnou khuấy biển cho thành sữa… Biết bao nhiêu kiểu áo, kiểu xe và biết bao nhiêu loài vật kỳ dị! Không một nét nào không sắc. Có chỗ tay người sờ nhiều quá, bóng tựa sành. Thật là cả một pho sử bằng đá: sử các triều đại, sử tôn giáo, sử văn minh, sử vạn vật.



Ở hành lang thứ nhất này có một phòng rất lạ: hẹp chừng một thước mỗi chiều, nhưng cao. Đứng giữa phòng đó đấm vào ngực, ta sẽ nghe có tiếng vang tựa tiếng chuông văng vẳng từ xa lại, nhưng nói lên thì không có tiếng vang.

Coi hết dãy hành lang này, chúng tôi ra dãy tây bắc ngồi nghỉ, mặt trời đã xuống gần đến ngọn tháp ở cửa tây, trời vẫn một màu xanh ngắt, hành lang phía bắc nhuộm

một màu vàng nhạt, một hàng thốt nốt cao như hàng cột dựng song song ở ngoài. Trước cảnh tỉnh mịch của buổi chiều, bên một khu rừng dìu hiu, tôi tưởng tượng một đêm kia, cách đây non tám thế kỷ.

MỘT ĐÊM TRĂNG

Quốc vương Cao Miên Jayavarman VII sau khi thắng được Chiêm Thành, làm lễ bốn vị thần ở Angkor Vat rồi mở cuộc ca vũ trên bệ trước đền thành Angkor Thom, đêm đó náo nhiệt lạ thường, mấy chục năm chưa từng thấy. Tiếng giã gạo, xay lúa, dệt cửi tắt hẳn, nhường cho tiếng cười, tiếng hát, tiếng trống, tiếng chiêng. Trai gái già trẻ quấn xiêm rực rỡ, mớ tóc loang loáng dầu dừa, tay bưng âu đồng lấp lánh, dắt díu, chen chúc nhau vào cửa đền, đứng chật cả sân. Nhiều kẻ leo lên cây, lên bức tường chung quanh, ngồi xổm, mắt

chăm chú nhìn vào bệ.

Một khúc nhạc bắt đầu nổi thì họ im bặt như có lệnh của Thượng đế. Nhà vua đội mũ mười chín từng dát ngọc ở trong đền từ từ bước ra, ngự trên chiếc ngai vàng, hai bên là các ông lục và đại thần.

Văng vẳng có tiếng vàng chạm nhau, thoang thoảng có mùi hương theo gió. Một đoàn "rmann" (mái) nhẹ nhàng, uyển chuyển như con naga uốn khúc từ một phía hành lang bước ra, đi hết một vòng bệ rồi tới trước ngai vàng, cùng quì xuống một lượt.

Bao nhiêu đuốc bỗng tắt. Chỉ còn ánh trăng long lanh trên những mũ và xiêm dát vàng, dát ngọc của sáu trăm vũ nữ.

Nhà vua đưa tay ra hiệu. Cả đoàn vũ nữ lùi ra, chia làm năm bọn như đoá hoa nở ra năm cánh, rồi khi một khúc nhạc du

dương nổi lên, quyến lấy những tấm thân đẫy đà nhưng vô cùng mềm mại đó thì một ngàn hai trăm bàn tay xoà ra một lúc. Họ bắt đầu múa. Ta còn thấy một viên kim cương vĩ đại lăn chuyển dưới ánh trăng vằng vặc, chiếu ra hàng triệu tia sáng lung linh của đủ các thứ ngọc ở Xiêm, Lào, Pailin, tiết ra một mùi hương ngan ngát của các thứ trầm quý nhất ở Mã Lai, các thứ hoa thơm nhất trong miền Siemreap.

Hàng vạn cặp mắt không chớp, hàng vạn bộ ngực nín thở. Rồi một giọng hát từ trong sáu trăm miệng hoa thốt ra. Khi như bay vút lên cung trăng, khi như quyến luyến trong cành lá.

Trong khi ấy thì ở hồ Srah Srang, hồ Ba rai đông và tây hàng trăm chiếc thuyền sơn son thếp vàng, chăng đèn hai bên, đương lượn trên làn nước phẳng lặng; và ở

trong các đền Ta Keo, Ta Prohm, Banteai Kdei, Prê-rup, Mébon, Ta Som, Preak-Khan,… giọng tụng kinh của hàng vạn ông lục làm vang động cả rừng thẳm.

Cả kinh thành Angkor Thom đêm nay ca khúc khải hoàn.

SỨC MẠNH CỦA TÔN GIÁO

Tôi muốn ngồi đây ngắm cảnh mặt trời lặn nhưng mấy anh em giục tôi về vì đêm tối, miền này nguy hiểm.

Qua hai toà thư viện, gặp hai ông lục tiến vô đền, mắt thăm thẳm dán xuống đất, bình bát ở bên sườn. Họ bước như những cái bóng, im lìm. Họ có nhìn thấy chúng tôi không?

Họ nghĩ gì? Những buổi hoàng hôn, những lúc bình minh, những khi gió thổi trong rừng hoang hoặc trăng mọc trên ngọn tháp, họ nghĩ gì? Những phiến đá mà tổ

tiên họ đã đem hết cả tinh huyết ra chạm trổ sau khi chở từ dãy núi Kulen về, dãy núi mà nay đã nằm ở bên kia biên giới mới? Gió thì thầm gì với họ? Họ, dòng dõi (*) của một dân tộc mà toàn thể theo đạo, một dân tộc nghệ sĩ đã để lại công trình không tiền khoáng hậu đó?

Nhớ những ngày tết của họ - vào khoảng tháng tư dương lịch – hết thảy dân gian đều vào chùa ở luôn ba bốn ngày tụng kinh niệm phật, tiếng mõ vang cả trong nước; nhớ một vụ xãy ra năm trước ở Nam Vang, hết thảy các ông lục ở Cao Miên đều về kinh để xin cho một ông lục khỏi bị người Pháp xử tội đã làm cho cả xứ sôi nổi, nhiều người Pháp bị thương; rồi trông đền Bayon kia, tôi tưởng như trong nụ cười của vị Avalokitecvara hiền từ có một cái gì vô cùng bí mật. Đền Banteai Kdei,

Ta Prohm, Prak Khan, Neak Pean, Ta Som, Krol Ko, Ta Nei, Bantéai Chmar, Vat Nokor, ở Kompong Cham, vô số các đền nhỏ khác trên khắp xứ, cả trên con đường lên Lào, ra Chiêm thành; ngoài ra ông còn cất 121 cái sala làm trạm nghỉ cho kẻ hành hương và 162 dưỡng đường nữa. Chưa có ông vua nào mà xây cất nhiều như vậy, mà Cao miên thời đó như khoác một khăn phủ ren bằng đá.

Đường xá mở mang, cứ 12 hai 15 cây số lại có một nhà trạm. Dưỡng đường tổ chức rất đàng hoàng: mỗi nơi có hai vị lương y, tám người đàn bà ở để giúp việc, hai người giữ kho, hai người bếp, sáu mươi tám người lao công, mười bốn y tá. Mỗi năm ba lần, triều đình lấy trong kho ra cấp cho mỗi nơi đủ thứ: mật, đường, mè, các đồ gia vị, quế, dấm… Tính ra mỗi

năm cơ quan y tế dùng tới trên 11 tấn gạo, trên 2.000 ký mè, non 2.000 hột thuốc trị bệnh trĩ, 105 ký bạch đậu khấu, 48. 000 ngàn liều thuốc trị sốt rét.

Một tấm bia ghi rằng: "Nhà vua đau khổ về những bệnh tật của thần dân hơn là bệnh tật của người. Người cầu nguyện cho mọi sinh vật thoát khỏi biển trầm luân", không biết ông có chịu ảnh hưởng của bà vợ sau không. Hay là ông ân hận đã bắt dân chịu biết bao nỗi lầm than để xây cất những đền đài khắp nơi. Ông Coedès trong cuốn *Pour Mieux Comprendre Angkor* viết:

"Phải tưởng tượng đám đông người thợ đục núi Kulen, đám lao công chở những khối đá thạch lớn, đám thợ nề sắp những khối đá đó lên, thợ chạm, khắc"

(*) Trong tài liệu nguồn ghi là giòng giõi, lỗi này có thể do khâu in ấn (Theo bài *Nửa thế kỉ chánh tả Việt ngữ* trong cuốn *Mười Câu Chuyện Văn Chương* của Nguyễn Hiến Lê)

CHƯƠNG BẢY

KẾT

Hai ngày sau về Sài Gòn, một người Pháp hỏi tôi:

- Tôi nghe nói muốn xét văn minh cổ của nước nào thì tìm những di tích về kiến trúc của nước đó. Một nước càng văn minh thì những công trình kiến trúc càng hùng diễm. Tôi đã đi từ Tây sang Đông, ở đâu lời ấy cũng đúng. Ở Âu có những phế tích của La mã, Athènes, Cận đông có phế tích của Ai Cập, Babylon, ở Viễn đông

này có Đế Thiên Đế Thích, mà ở Trung Hoa và nước ông, tôi chưa thấy một phế tích nào khả quan cả. Vạn lý trường thành ư? Bảo đó là một công trình mỹ thuật thì cũng như khen chiến luỹ Maginot của chúng tôi là một kỳ quan vậy. Không! Đó là sự nghiệp của nhà binh, không phải là sự nghiệp của nghệ sĩ. Mà văn minh Trung Hoa rực rỡ có phần hơn văn minh cổ phương Tây chúng tôi nữa. Như vậy là nghĩa sao?

Tôi đáp:

- Ông nhận xét đúng. Nhưng nếu ông đọc sách của các hiền triết Trung Hoa, lại đọc qua sử của chúng tôi thì ông không còn ngạc nhiên nữa.

Triều đại nào chúng tôi cũng có ít nhiều công trình kiến trúc. Ông chưa được nghe đến tứ đại khí của Việt Nam, tức tháp

Bảo Thiên cao hơn bốn mươi thước, phật Quỳnh Lâm lớn hơn tượng Trấn Vũ ở Hà Nội bây giờ, đỉnh Phổ Minh và chuông Quy Điền đều làm về thế kỷ thứ XI. Ấy là chưa kể những cung điện lăng tẩm của các triều Lý, Trần, Lê.

Còn nói gì đến Trung Quốc nữa. Trong bốn ngàn năm, biết bao triều đại, biết bao công trình kiến trúc. Tôi đơn cử ra đây cung A Phòng xây đời Tần để ông rõ. Rộng trên 300 dặm, hai con sông chảy qua, năm bước lại có một cái lầu, mười bước lại có một cái gác. Trong một ngày, trong một cung mà khí hậu không đều. Gương để cung tần trang điểm nhiều hơn sao; dầu sáp đổ đi chảy thành suối; ngựa xe chạy vang như sấm… Xây cung đó, nhà Tần đã đốn hết cây xứ Thục, một xứ xa xăm đầy rừng núi ở biên giới Trung Quốc. Đó là tài liệu

chép trong bài *A Phòng cung phú* của Đỗ Mục, một văn sĩ đời Đường. Họ Đỗ tất nhiên có thêm thắt ít nhiều nhưng trên hai ngàn năm trước mà Trung Hoa đã có một công trình kiến trúc đại quy mô như vậy thì có kém gì Đế Thiên Đế Thích?

Vậy Trung Quốc và Việt Nam không phải là không có công trình kiến trúc, nhưng chúng tôi chịu ảnh hưởng của Nho giáo, không lấy sự nghiệp như vậy làm vinh hạnh.

Chu Bá Lương trong bài *Trị gia cách ngôn* có câu:

Chớ hao công cất những ngôi nhà lộng lẫy.

Mạnh Tử nói một ông vua mà xây chuồng ngựa đẹp, nuôi ngựa béo trong khi dân gian đói rét thì cũng tức như xua thú ăn thịt dân, ăn thịt con vậy.

Chỉ những hôn quân mới xây những cung điện tráng lệ để vui riêng một mình và những kẻ đó thịnh không lâu. Người đời sau thăm cảnh, không đứng về phương diện nghệ thuật mà khen công họ, chỉ xét về phương diện đạo đức mà luận tội họ. Người ta nguyền rủa kẻ xa xỉ, phẫn uất lên, đốt hết cả những công trình kiến trúc đó.

Hạng Võ đốt cung A Phòng mở đường cho biết bao sự tàn phá sau nầy. Vì vậy mà bâo giờ không có đốt phá và sự tiêu diệt của biết bao quốc gia!

Những người sinh sau không biết noi gương kẻ trước cũng bắt dân xây cất những lâu đài tráng lệ cho dân gian oán hờn đến nỗi sự nghiệp chốt lát mà tan tành, đã là ngu, mà kẻ đốt phá những lâu đài đó còn ngu hơn nữa.

Kẻ kia đã tốn bao nhiêu của để tô điểm

cho cảnh đa văn của tạo hoá thì ta cứ bảo tồn đi, du ngoạn đi, đốt phá mà làm chi? Sống sau họ hàng trăm năm, hàng ngàn năm mà được ngắm những cảnh họ ngắm, đứng ở chỗ họ đứng, nghe những tiếng họ nghe, đã không mất một chút công của mà còn có những cảm giác sảng khoái của họ, lại được cười cái ngu của họ, chẳng thú lắm ư?

Trung Quốc văn minh đã bốn ngàn năm mà bây giờ di tích của Nguyên, Minh không còn tí gì, đừng nói đến Hán, Đường nữa. Họ thực khờ. Nước tôi cũng nhắm mắt theo họ cho nên di tích Lý, Trần, Lê không tìm đâu ra cả. Thật đáng tiếc mà cũng đáng giận. Người phương Tây các ông biết bảo tồn Đế Thiên Đế Thích thực khôn hơn chúng tôi; và trong các công trình các ông lưu lại ở bán đảo này, có lẽ

công trình của trường Viễn đông bác cổ là đáng kể hơn cả.

Tháng hai năm 1943

PHỤ LỤC

ÔNG VUA ANH DŨNG CUỐI CÙNG CỦA THỜI ĐẠI ANGKOR: VUA JAYAVARMAN VII

Lạ thay! Chính người Miên cũng quên lịch sử của một triều đại rực rỡ nhất của họ, triều đại vua Jayavarman VII và trường Viễn đông bác cổ phải mất 40 năm sưu tầm, khảo cứu các di tích ở đền Ta Prohm, Park Khan, Bantéai Chmai, Phiméanakas, cả Lào (gần Vieng Chan) ở Mi Sơn (Trung Việt) rồi mới lần lần về

chép lại được đời của vị vua anh dũng nhất đó của Miên, vị vua đã mở mang đất Miên tới Lào, Chiêm Thành, có lẽ tới cả Miến Điện nữa, làm cho đế quốc Miên chưa bao giờ rộng như hồi đó. (*)



Tên của ông có nghĩa là được thần chiến thắng che chở. Ông là dòng dõi của vua Suejavarman II, người đã cho xây cất Angkor Vat.

Ông sinh vào khoảng 1120-1125, cưới nàng công chúa Jayarajadevi; sau một thời gian, ông để vợ ở nhà, cầm đầu một đạo quân xâm chiếm Chiêm Thành ở Vijaya (Bình Định ngày nay). Bà vợ ở nhà nhớ ông, khóc lóc, theo đạo Phật, suốt ngày cầu nguyện cho ông.

Trong khi ông ở Chiêm Thành thì vua cha băng, Yacovarman lên nối ngôi, triều thần nổi loạn, tranh giành ngôi báo. Ông hay tin vội trở về nước, thì đã quá trễ, kẻ phản nghịch đã lên ngôi. Ông phải nhẫn nhục chờ đợi thời cơ.

Năm 1177 vua Chiêm Thành là Jaya Indravaiman đem chiến thuyền ngược sông

Cữu Long, lên tới Biển Hồ, đánh úp Angkor, vua Miên thua, bỏ chạy, Jayavarman lúc đó mới lên ngôi ra tay cứu nước, đuổi người Chiêm ra khỏi cõi sau một trận thuỷ chiến mà hiện nay tường đền Bayon và đền Bantéai Chmai còn ghi lại cảnh tượng.

Bốn năm sau, ông bình định được toàn cõi, xây dựng lại kinh đô. Một tấm bia ở tường thành Angkor Thom ghi lại rằng: "Kinh đô Yaco dharapura (1) như một thiếu nữ quý phái, vừa đôi phải lứa với ý trung nhân, lòng dục phơi phới, nữ trang là một cung điện đầy ngọc thạch, y phục là những thành luỹ, làm lễ thành hôn với nhà vua để tạo hạnh phúc cho trăm họ…"

Lên ngôi rồi ông luyện tập binh mã chờ dịp phục thù Chiêm Thành. Năm 1190, ông sai sứ sang Việt Nam, lấy lòng vua Lý Cao

Tôn để vua Lý trung lập, rồi ông xua quân qua Chiêm Thành, có một hoàng thân Chiêm là Vidyanandana giúp sức. Hoàng thân này qua ở Miên từ nhỏ, ông thấy thông minh, tỏ lòng yêu mến và dạy cho cách cầm quân.

Jayavarman VII chiếm được kinh đô Vijaya (Bình Định), cầm tù vua Chiêm, chia Chiêm làm hai miền, một miền giao cho một người em vợ ông cai trị, một miền nữa (ở Phan Rang ngày nay) giao cho Vidyanandana.

Sự đô hộ đó không được lâu. Người Chiêm nỗi lên giết em vợ ông mà Vidyanandana thống nhất được tổ quốc, không phục tùng ông nữa. Tới năm 1203, Vidyanandana bị người chú hay bác giết, Chiêm Thành mới lại thành thuộc địa của Miên 17 năm nữa.

Đồng thời Jayavarman VII cũng xâm chiếm Lào tới Vieng Chan, theo sử Trung Hoa ông tiến tới cả Miến Điện và bán đảo Mã Lai.

Thời đó là thời cường thịnh nhất của Miên, được các lân bang (như Việt Nam, Java) trọng.

Hoàng hậu mất, ông cưới người chị ruột của bà. Bà này học giỏi, văn hay, thảo nhiều bài bi ký lời rất trong trẻo.

Năm 1201 ông còn ở ngôi, không rõ mất năm nào (có lẽ là năm 1219). Có người ngờ rằng về già ông bị bệnh hủi và ông vua hủi tức là ông. Điều đó chưa có gì chắc chắn.

Ông rất sùng mộ đạo Phật, phái đại thừa, cho xây cất rất nhiều đền: Angkor Thom với 12 cây số thành luỹ, và đền Bayon (tượng Phật đền này có lẽ là tượng

ông, ông tự coi như một vị Phật giáng sanh); rồi tới các từng phiến đá một, những đám người đông như kiến cỏ đó (…) bị bắt làm xâu để dựng lên những cung điện mà họ không được đặt chân vào (…). Toàn dân đều phải xây cất cho nhà vua! Năm 1191, mới lên ngôi được mười năm, chương trình chưa thực hiện hết, mà theo lời chép trên bia ở Prak Khan, đã có tới 20.000 tượng thần bằng vàng, bạc, đồng đen, đá ở rãi rác các tỉnh. Công việc thờ phụng dùng tới 306.372 người lao động ở trong 13.500 làng, mỗi năm ăn hết 38 tấn gạo. Rồi bao nhiêu của cải gom lại trong các đền: hàng ngàn ký vàng bạc; hàng chục ngàn viên ngọc…”

Về già ông hấp tấp thực hiện cho xong chương trình, nên ta thấy nhiều ngôi đền xây cất cẩu thả, đá cứ chồng phứa lên

nhau, không cần xen kẻ cho vững, thiếu sa thạch thì thay bằng đá ong, chạm trổ vội vàng cho thành hình chứ không cần đẹp.

Vì vậy mà khi ông mất đi, người Xiêm qua đánh, dân chúng mệt mõi, chán nản, không muốn giao chiến nữa, mặc dầu bị triều đình bắt buộc cầm khí giới; và người Xiêm thắng một cách dễ dàng. Họ đem giáo lý tiểu thừa ra truyền bá thì người Miên hấp thụ ngay, vì giáo lý đó không bắt họ thờ nhiều thần, họ tránh được cái nạn đục tượng và đúc tượng, và dạy họ tìm sự yên ổn trong xã hội, sự bình tĩnh của tâm hồn, những điều mà họ khát khao trong suốt đời vua Jayavarman VII. Có lẽ chính giáo lý tiểu thừa đó làm cho họ dễ suy, hết tinh thần chiến đấu, nên trải sáu thế kỷ sau, không lúc nào họ thịnh lại được như trong thời đại Angkor.

Không hiểu ngày nay họ cho Đế Thiên Đế Thích là một vinh dự hay một chương sử bi thảm của họ.

----

(1) Tức Angkor Thom

(*) Xem bản đồ *Đế quốc Khmer cuối thế kỷ XII* (theo Wikipedia)

HẾT

TRÍCH *HỒI KÍ NGUYỄN HIẾN LÊ*

Để hiểu thêm về cuốn *Đế Thích Đế Thích*, Goldfish tôi mời các bạn đọc thêm mục *Viết du kí* trong chương XIII – *Tôi tập viết*. Xin trích:

"Làm việc ở Sở Thuỷ lợi, tôi có dịp đi

kinh lí nhiều nơi, được biết thác Khôn (Lào), Đồng Tháp Mười, Long Hải, thác Trị An và Đế Thiên Đế Thích (năm 1943). Thấy cảnh nào đẹp tôi đều chép Nhật kí hoặc Du kí.

…Nhưng thích nhất là cuộc du lịch Đế Thiên Đế Thích. Năm 1943 viên kỉ sư thấy tôi làm việc đắc lực, tạo cơ hội cho tôi đi kinh lí ở ngay trong vùng có những cổ tích hoang tàn của Cao Miên đó mà có người gọi là “kì quan thứ tám của thế giới”.

Tôi mang theo cuốn *Guide Groslier* rồi lên xe đò đi Nam Vang. Ở Nam Vang một ngày coi chùa Vàng, chùa Bạc, làm vài việc cỏn con cho sở rồi năm giờ chiều lên xe đi Siemreap, khoảng hai giờ khuya tới Siemreap. Hồi đó vào hạ tuần tháng giêng dương lịch 1943, mùa tốt nhất để đi coi cảnh Đế Thiên vì trời rất trong, không

mưa mà hơi có gió bấc, không khí không nóng lắm, đêm hơi lạnh.

Ở Siemreap tôi ghé nhà anh Hách – anh đã đổi lên trên đó để xây một cái đập cho công cuộc thuỷ nông – và anh với hai anh bạn công chánh nữa đưa tôi đi thăm các di tích hoang tàn.

Trong hai ngày chúng tôi đi coi thành phố Siemreap và một khu rừng chu vi trên ba chục cây số chỗ nào cũng có phế tích. Không thể coi hết được, chúng tôi chỉ thăm độ 15 ngôi đền lớn, nhỏ, kiến trúc đẹp nhất và ba cái hồ, mà lại coi vội vì không có đủ thì giờ.

Trong suốt cuộc du lịch đó, lòng tôi lúc nào cũng phơi phới, nhẹ nhàng, như nghe một bản nhạc êm đềm. Cảnh thật thanh tỉnh, nên thơ, gợi biết bao nỗi hoài cảm. Tôi thích cảnh Stung (sông)

Siemreap dưới trăng với những chiếc cầu khom khom có tay vịn, như cầu Thê Húc ở cầu Hoàn Kiếm nhưng dài hơn. Trăng vằng vặc chiếu qua cành lá thưa, lấp lánh trên một dòng nước con con – mùa này nước Stung cạn – thỉnh thoảng có mùi hương dịu và tí tách có tiếng nước nhỏ giọt từ các guồng nước – thứ guồng dùng ở Quảng Nam – cứ đều đều, chầm chậm quay, như gạn từng giọt nước pha lê vào những máng nước dài đưa vào vườn hoa của các biệt thự trên bờ.

Tôi mê cảnh đền Bayon mà Doudart de Lagrée bảo là "thần tiên, lạ lùng", với 50 chục ngọn tháp, 43 đầu Phật, mỗi đầu có bốn mặt, mặt nào cũng có nụ cười hiền từ, khoan hoà, bí mật.

Đền Angkor Vat dưới ánh tà dương làm cho tôi xúc động mạnh. Khi qua cái

hào rộng trên 200 thước mà lục bình như muốn giữ mây chiều lại, vừa bước tới cửa Tây thì đền hiện lên đè nặng lên tâm hồn tôi. Tôi thấy ngộp gắp mấy lần khi thăm đền Hùng ở Phú Thọ. Ở đây kiến trúc Cao Miên đã đạt tới tuyệt đỉnh: hàng triệu phiến đá chỉ hợp thành một khối cân đối, hài hoà để diễn đạt một ý tưởng vừa hùng vừa diễm.

Nhưng hợp với tâm hồn tôi nhất là đền Ta Phrom. Kiến trúc khác hẳn các đền kia, không cao, không đồ sộ mà trải rộng ra trong một khu rừng, và ở sâu trong rừng, có một lối lát đá đi dài khoảng 500 thước đưa vào. Chỉ riêng đền này còn vẻ hoang vu. Trường Viễn Đông Bác cổ đã có sáng kiến lựa nơi đây mà bảo tồn cảnh thiên nhiên để ta được hưởng chút cảm giác rùng rợn của các nhà thám hiểm thời

trước.

"Ở đây mới thực là cảnh hoang tàn. Ở đây ta mới thấy sự chiến đấu giữa cây và đá, giữa loài người và hoá công. Có những rễ cây lớn mấy tấc, dài hàng chục thước, uốn khúc ôm lấy bệ của toà đền và nổi gân lên như muốn vặn cho nó đổ mới chịu được. Có cây lại ngạo nghễ ngồi xếp bằng trên một toà khác, ung dung thả hàng trăm rễ xuống, như hàng trăm tay của loài bạch tuộc, ghì chặt lấy mồi của mình, không cho nó cựa rồi hút dần tinh tuý của nó, cho thịt rã, xương nó tan, mà hiện nay ngôi đền cũng gần tan gần rã. Có cây độc ác hơn, đâm một rễ lớn từ trên đỉnh xuống như cắm một lưỡi gươm vào đầu quân thù"

Mấy chục năm nay tôi ước ao chiến tranh trên bán đảo chữ S này chấm dứt, sẽ đi thăm lại Đế Thiên Đế Thích, cũng như

tất cả cảnh đẹp ở Việt Nam, nhưng bây giờ thì không còn hy vọng gì nữa.

Về Sài Gòn, tôi chép lại ngay cảm tưởng khi du lịch, sợ để lâu quên mất, và trong khi viết tôi được sống lại những lúc vui đã qua, như được du lịch lần thứ hai. Khoảng giữa tháng hai năm 1943, tôi hoàn thành tập du kí *Để Thiên Để Thích*. Tập nầy viết cũng rất kỉ.

....Viết xong tập nào tôi cũng đưa bác Ba tôi đọc. Bác tôi rất khen tập *Bảy ngày trong Đồng Tháp Mười, Để Thiên Để Thích* và trong tập đó tôi đưa ra một chính sách giáo dục cho nhà nước, khen tôi có tài viết văn và văn của tôi hơi chịu ảnh hưởng của cổ văn Trung Quốc."